NĂM THỨ TƯ — Số 151 Thứ năm 20 Juillet 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Để đi đến một bộ Việt sử hoàn toàn... *Hoa-Bằng*
* Tùy hứng *Song-Cối — Nguyễn đan-Tâm*
* Những ông nghè triều Lê (LXXXVII) *Nguyễn-văn-Tố*
* Trong sử Nam không có ai là Lê-Thiện cả *Ứng-hòe*
* Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam *Đào-trọng-Đủ*
* Một quyển sách nói về Cụ Nguyễn-công-Trứ *Nguyễn-văn-Tố*
* Từ hơn năm mươi năm về trước... (hết) *Tam-Gia*
* Đại chúng văn chương *Kiều-thanh-Quế*
* Hội khuyến học Cần-thơ (hết) *Nguyễn-văn-Kiết*
* Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (LIX) *Ứng-hòe*
* An-Tư, tiểu thuyết (IV) *Nguyễn-huy-tưởng*

0$50

ĐỂ ĐI ĐẾN MỘT BỘ VIỆT SỬ HOÀN TOÀN

bây giờ cần phải chia nhau khảo từng thời-đại một

HOA-BẰNG

HƠN lúc nào hết, bây giờ chính là lúc cần phải nhặt lượm tài-liệu để cung vào kho sử-học Việt-nam hầu cho có những gỗ tốt, gạch già, góp vào công-cuộc kiến thiết mai sau mà bọn thợ tương-lai chính là những người sẽ phải gánh lấy công trình xây dựng ấy.

Hiện nay trong kho sử-ký của ta, ngoài những sách chữ Tàu và chữ pháp, sử bằng quốc-văn chỉ vẻn-vẹn có mấy cuốn như bộ *Sử-ký Nam việt* (1876) của Trương Vĩnh-ký và bộ *Việt nam sử-lược* của Trần Trọng Kim

Đối với những cuốn sử ở lớp trước ấy dù có kiệt-tiệt đến đâu, ta nay cũng không nên đòi hỏi ở tác-giả hơn nữa.

Là vì mấy nhà tiền khu ấy, một đằng ở vào lúc thiên trọng nho học, một đằng ở vào lúc tân cựu giao thời, từ sự nhặt lượm sử liệu ở trong các sử chữ nho đến sự ứng dụng vào một bộ sử quốc ngữ, lẽ tất nhiên còn gặp nhiều cái bỡ-ngỡ và lắm nỗi khó khăn. Thế mà họ đã phất được lá cờ tiên-phong trên trường sử học bằng quốc văn: kể cũng hào-hùng lắm đấy!

Nhưng đó mới là những bước phôi-thai về sử-học của ta, ta đừng vội lấy thế làm tự mãn.

***

Nay muốn có một bộ Quốc-sử hoàn-toàn hơn, thích hợp hơn, tất chúng ta, ngay từ bây giờ, phải nghĩ đến công việc lớn-lao và khó khăn ấy.

Đi xa phải từ gần; trèo cao phải từ thấp

Muốn sau này có một « tòa » lịch-sử lộng lẫy nguy-nga, lẽ tất nhiên bây giờ phải tính đến chuyện xe cát, gánh vôi, khuân gạch, khiêng đá..

Muốn có một lâu-đài đồ sộ, công-việc quyết không thể riêng trút vào mấy người thợ làm việc một cách lẻ-tẻ, lủi-thủi, vò-võ và « câu dầm ». Nhưng phải chia-công xẻ việc, mỗi người chuyên-môn nhận làm một tay: ai mộc thì mộc, ai ngõa thì ngõa, ai đào móng thì cứ chuyên đào, ai xẻ gỗ thì cứ chuyên xẻ... Rồi một ngày kia, với vật liệu ấy, người ta sẽ thâu tóm lại mà làm thành một kiệt tác, một kỳ công, một « nhà lầu » lịch-sử với bao sự cố-gắng và bao sức gom-góp của lớp trước và lớp sau và lớp sau nữa.

Sử học cũng vậy, bắt tay từ giờ, chúng ta phải chia nhau mà nghiên-cứu khảo tra từng thời-đại một.

Chẳng hạn, riêng về triều Lê Thái tổ (1428-1433): Ngoài những chính sử, dã sử của ta, ta còn phải khảo thêm biết bao tài-liệu ở trong sử Tàu, nhặt lấy những tài liệu có quan-hệ đến đời Lê có thể dùng

(Tiếp theo trang 21)

Tùy hứng

GỬI BẠN

Bấy lâu thi bút khéo nên tranh,
Với hát « quy lai » (1) khép cửa hành! (2)
Hoa nở thôn Dương: vàng dưỡi mộng.
Thơ đề bến Hàn: bạc treo doành.
Tiếng ngâm phẳng-phất hè mơ nhạc,
Bóng ngọc mông-lung nguyệt tưởng mành.
Tức mượn hồ Gươm xa gửi gió:
Chút duyên văn tự nặng bao tình?

Mồng một, tháng bảy, 1944
SONG-CỐI

Ca dao mới

Thôi đừng năm tinh, bảy loan,
Thôi đừng ngồi dấy phàn-nàn nữa chi!
Đường xa, ta phải cố đi,
Có cày, có cấy, có khi được mùa.

***

Em là con gái nhà nông,
Tháng ngày làm-lụng việc đồng đã quen.
Muốn cho lúa-má tốt lên,
Ta chăm nhặt cỏ, lại thêm bón mầu.

SONG-CỐI

(1) Đi về Dương-lý.
(2) Mành môn nơi ở đơn-giản.

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 88

Ông-hồe NGUYỄN-VĂN TỐ

21 — **Phạm-Tráng**, người xã Dũng-nhuệ huyện Giao-thủy, phủ Thiên-trường trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến sĩ khoa khâm-tuất 1502. Làm quan đến Lại-bộ thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 84 a).

22. — **Trần-Lỗ** (Trần-Lư), người xã Bình-vọng huyện Thượng phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 23 b).

23. — **Phan-đình-Lục**, người phường Tây hồ, huyện Quảng-đức, phủ Phụng-thiên, thành Thăng-long. Năm 29 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến Lễ-bộ thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương Phụng-thiên, tờ 106; *Đăng khoa lục*, q 1, tờ 53 a).

24 — **Nguyễn-xuân-Lan**, người xã Thổi-mã, huyện Bảo lộc trấn Sơn nam. Năm 32 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Là ông nội Nguyễn Tảo đỗ nhị giáp năm 1592 (*Đăng khoa lục*, tờ 53 a; q. 2, tờ 62 b)

25. — **Trần-Huyên**, người xã Đồng-an, huyện Kim-động, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam (bia Văn-miếu chép là người làng Đồng-an, *Đăng khoa lục* chép là làng An kiều). Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến đô ngự sử (*Đăng khoa lục*, q 1, tờ 53 a)

26. — **Lê Hiếu Trung**, người xã Cổ-nê, huyện Cẩm-giàng, phủ Thường-tín, trấn Sơn nam. Nguyên là bậc linh có công dẹp loạn. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Năm đinh-mão (1507) hiệu Đoan-khánh, đang làm giám sát ngự-sử, sung chức phó sứ sang nhà Minh tạ về việc sách phong vua Lê Uy-mục (1504-1509). Trong đời Quang thiệu (1516-1526) làm quan đến Quốc-tử giám tư nghiệp. Năm 1522 vua Lê Chiêu-tông (1516-1526) ở Lành-cung Thượng an-quyết, Trịnh-Tuy bắt ép vua Chiêu-tông vào Thanh-hoa, ông tử tiết (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn nam, tờ 48 b). Về việc ấy, bộ *Khâm-định Việt-sử* (q 27, tờ 7 b 8 a) chép như sau này: « Tháng 10 năm Quang thiệu thứ 7 (1522), Trịnh-Tuy đem quân ba phủ ở Thanh-hoa và tướng-sĩ cả xứ hơn một vạn, cùng với Trịnh-duy-Tuấn lại bộ giả vua Chiêu-tông đóng ấy ở Thượng-an-quyết. Thuộc-tướng của Trịnh-Tuy là Nguyễn-bá Kỷ vào trước, đội-trưởng là Phạm-Điền sợ tranh quyền mình, tâu thêm điều bậy ở cửa trại của Trịnh Tuy. Tuy giận hết bắt-bớ, rồi giả bọn Duy Tuấn nói rằng lên là xem đất để lập trại. Đến đêm đem quân đến phục ở Dịch-vọng; gần sáng quân-chúng reo hò, tiến sát vào hành tại. Vua Chiêu-tông tỉnh giấc thôi, không biết làm thế nào. Bọn Trịnh-Tuy bắt ép vua về Thanh-hoa. Quốc-tử giám tư-nghiệp là Lê-hiếu-Trung ở hết. Lại bộ thượng-thư đông-các đại-học-sĩ thị Kinh-diên là Vũ Duệ, Lại bộ thượng-thư là Ngô Hoàn và học-trò là Nguyễn-mẫn-Đỗ đem lương bổng đi theo đến Thanh-hoa lạc không biết chỗ vua ở, bèn bái vọng về lăng miếu Lam sơn, rồi đều tự vẫn chết hết. Đô ngự-sử là Nguyễn-văn-Vận theo nhà vua bị Mạc-đăng-Dung giết. »

27. — **Nguyễn Đoan** (bia Văn-miếu khắc là Nguyễn Đoan; còn bài ghi đề Đăng khoa chép là Lâm Đoan) người phường Thụy-chương huyện Quảng-đức, phủ Phụng-thiên, thành Thăng long. Năm 30 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương Phụng-thiên, tờ 106 b; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 53 a)

28. — **Lê đình-Tường** người xã Cao mại, huyện Kim bảng, phủ Lý nhân trấn Sơn-nam. Năm 29 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến phó đô-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo* q Sơn-nam, tờ 78 b).

29 — **Đào thúc Viện**, người Sông-ngô, huyện Yên-dũng, phủ Lạng-giang, trấn Kinh-bắc. Năm 31 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến Hàn lâm, vào làm Kinh-diên, kỷ-lục quân-sự (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc, tờ 73 b; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 53 a)

30. — **Nguyễn văn Đệ** người xã Ân-nhân, huyện Cẩm-giàng, phủ Thường-tín trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 49 a; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 53 a). (*Còn nữa*)

Ông hồe NGUYỄN-VĂN TỐ

Trong Sử Nam không có ai là Lê Thiện cả

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

Trong *Tri-Tân* số 149 ông Hoa-Bằng có viết một bài đề là *Một nhân-vật lịch-sử đã làm những việc chuyển đất xoay trời...*, ông căn-cứ vào quyển *Việt Nam xuân thu* và quyển *Lịch đại thông-giám tập lãm* nói rằng về đầu triều Lê có một vị vừa mưu-thần vừa danh-tướng, lại là em ruột vua Lê-Lợi, tại sao cả sử ta không quyển nào chép đến, và « chất chứa cả nhà cao minh sử-học » Tôi không dám nhận là « cao minh » và cũng không dám nhận là « sử học », nhân làm ở Bác-cổ, nên có tìm được những tài liệu như sau này:

Năm 1935 trường Bác-cổ có in những ảnh bia Lam-sơn, là những bia kỷ công các vua đầu triều Lê (trong quyển E Gaspardone, *Les stèles royales de Lam-son*), vì thế tôi được xem tấm bia Vĩnh-lăng là bia ghi công đức sự-nghiệp vua Lê Lợi trong bia chép rằng: « Hoàng khảo (bố vua) huỷ Khoáng, hoàng tỷ (mẹ vua) họ Trịnh huỷ Thương, sinh ba con giai, con trưởng tên là Học, con thứ tên là Trừ, con út tức là vua (Lê-Lợi)... ». Thế thì vua Lê-Lợi là con út, còn có em nào nữa; phàm những việc lâu đời, đã trải qua đến trăm, ngàn năm về trước, thì còn gì chắc chắn bằng bia đá, mà chính bài văn trong bia ấy lại do ông Nguyễn-Trãi là mưu-thần của vua Lê-Lợi làm ra.

Ngoài tấm bia ấy có quyển *Lam sơn thực lục*, làm xong năm tân-hợi (1431) chính vua Lê Lợi đề tựa; xem trong « *Lam sơn thực-lục* » thì chép thế-hệ và tông-tích vua Lê Lợi cũng giống như bia đá.

Về sau có quyển *Đại-Việt thông-sử* (sách viết của trường Bác cổ, số A 1389, q. 1, tờ 9 b) của ông Lê-quý-Đôn, là quyển sử có giá-trị xưa nay, cũng chép rằng: « Hoàng khảo tôn phong là tuyên-tổ Phủ; Hoàng-đế, huỷ Khoáng, Hoàng-tỷ tôn phong là Trịnh-từ ý văn hoàng hậu, họ Trịnh huỷ Ngọc-Thương sinh ba con giai, con trưởng tên là Họ (sau truy phong là Chiêu hiến Đại vương), con thứ tên là Trừ, sau truy tặng là Hoằng-dụ Đại-vương, con út tức là vua (Lê Lợi)... ».

Cả bia đá và sử sách đều chép vua Lê-Lợi là con út, thế thì làm gì có em, mà dẫu em họ cũng không có nữa, vì ông Lê-Khoáng sinh ra vua Lê-Lợi cũng là con út. bia Vĩnh-lăng, *Lam-sơn thực-lục*, (sách viết trường Bác-cổ, số A 2369, tờ 1 a và b) và *Đại-Việt thông-sử* (q. 1, tờ 9 a và b) đều chép rằng: « Tằng-tổ (cụ ông) là Lê-Hối, tằng-tổ-tỷ (cụ bà) là Nguyễn-thị Ngọc-Duyên, Tổ-khảo (ông nội) là Lê-Đình, Tổ tỷ (bà nội) là Nguyễn-thị-Quách, sinh hai con giai, con trưởng là Tùng, con thứ là Khoáng, Khoáng sinh ra vua Lê Lợi ».

Thế mà *Việt-Lam xuân-thu* lại chép vua Lê Lợi là con ông Lê Thường đã là một điều sai, quyển ấy lại chép rằng: nhà họ Lê có bốn anh em, trưởng là Lê-Lai, thứ hai là Lê-Lợi, thứ ba là Lê-Thạch, thứ tư là Lê-Thiện, đều sinh hết cả, trong bốn người ấy thì ba người có tên, nhưng không phải anh em, còn Lê-Thiện thì tuyệt nhiên sử ta không chép đến. « Ông Lê-Lai là người thôn Dựng-tú sách Đức-giang huyện Lương-giang » (*Đại-Việt thông sử*, q. 31, tờ 29 a); thế là người cùng huyện với vua Lê Lợi, cũng không phải là anh. Vả lại, ông Lê Lai có thế hệ rõ ràng « ba đa Lê-Kiều, đời đời nối chức phụ đạo, sinh hai con giai, con trưởng là Lê-Lạn, theo vua Lê-Lợi khởi nghĩa, mất về trận đánh ở cửa ải. Khả Lưu năm ất-tỵ (1425), được truy tặng Hiệp-quận công, con thứ là Lê Lai, tính khí cương trực, đúng mạo lạ thường, trước khi vua Lê-Lợi chưa khởi nghĩa, năm ấy là năm bính-thân (1416) vua Lê Lợi và 18 người võ tướng ăn thề, cùng nhau sống chết, ông Lê-Lai đều được, được làm chức Đô tổng-quản; đến năm mậu-tuất (1418) vua Lê-Lợi khởi nghĩa, vì lúc đầu lường còn yếu, quân có ít, bị tướng Minh đánh đuổi, phải ẩn ở Lĩnh-cao tướng Minh chia quân vây kín bốn mặt, thế rất nguy cấp: vua Lê-Lợi hỏi các tướng « Có ai chịu mặc áo của ta, đem quân ra giữa trận giặc, xưng danh hiệu ta, như chuyện Kỷ-tín chết thay Hán-Cao, để cho ta nương nấu ít lâu, rồi lại khôi phục? » Các tướng đều im lặng, Lê Lai phấn khởi nói rằng: « Tôi xin rằng ngày sau có thiên hạ, thì nghĩ đến công tôi, mà cho con cháu tôi đời đời được hưởng lộc nước ». Vua Lê-Lợi lấy làm

thương tiếc, có ý ngần ngừ, Lê-Lai nói rằng: «Tình-thế đã khốn bách như thế này, thì chẳng còn kế gì hơn thế, nếu để cả vua tôi cùng chết, thì có ích gì? Lòng kẻ tòng-thần vì nước, kh ông khi nào dám tiếc». Vua Lê-Lợi lạy trời khấn rằng: « Ngày nay Lê-Lai có ông đổi áo cho ta để chết thay, ngày sau ta cùng con cháu và con cháu các tướng tá công-thần, nếu không nghĩ đến công thì xin cùng điện hóa núi rừng, ấn ngọc hóa đồng, kiếm thần hóa đao binh ». Lê-Lai bèn đem năm trăm quân, xông ra trận giặc, người Minh tưởng là vua Lê-Lợi thật, kéo hết quân đến đánh, Lê-Lai sức kiệt, bị bắt, sau bị giết: Vì thế vua Lê-Lợi được hoàn bình để lo toan việc sau » (*Đại-Việt thông sử*, q 31, tờ 29 a và b).

Thế là ông Lê-Lai mất năm 1419. — Lê Thạch là con ông Lê-Học, tức là cháu gọi vua Lê Lợi bằng chú ruột, vì khi vua Lê-Lợi còn nhỏ được ông Lê-Học trông nom nuôi dạy; cho nên về sau vua Lê Lợi yêu mến Lê Thạch như con đẻ. Lê-Thạch là người nhân-từ, hàm hậu, có sức khỏe hơn người, khéo trông nom sĩ tốt, khi vua Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam sơn, thường sai ông Lê-Thạch làm tiên-phong, đi đến đâu được đấy, đến năm tân-sửu (1421) làm tiên phong trận đánh Ai lao bị trúng mũi tên, rồi chết, vua Lê-Lợi lấy làm thương tiếc, (*Đại-Việt thông-sử*, q 31, tờ 28 a và b).

Ấy một người là tướng chân tay, một người là cháu, mà *Việt-Lam xuân thu* lại chép một người là anh một người là em, thật là sai tất cả. Rồi chép thêm một tên Lê-Thiện nữa, bảo là em vua Lê-Lợi, không những chép là em mà thôi, lại chép là chánh quân sư của vua Lê-Lợi, ông Nguyễn-Trãi lấy còn là phó quân-sư. Không có lẽ một vị chánh quân sư và là em ruột vua Lê Lợi, mà trong bia Vĩnh lăng ông Nguyễn Trãi lại không chép đến. Vậy thì quyển *Việt Lam xuân-thu* là một quyển theo tính cách tiểu thuyết không nên tin.

Chính ông Hoa-bằng cũng đã nói thế. Những ông lại nói thêm rằng: vì một quyển sử Tàu, là quyển *Lịch đại thông-giám tập lãm* (q 103, tờ 6 b) có câu: « Lê-Lợi đệ Thiện công Giao-châu phủ » nghĩa là em Lê-Lợi là Thiện, đánh phủ Giao-châu. Quyển ấy là một quyển của triều-thần Càn-long (1736 — 1795) cách đời Minh

(*Xem tiếp trang 20*)

TRẠNG VINH QUI

Bạch nhật mạc nhàn quá,
Thanh-xuân bất tái lai!
Song liên cần khổ học,
Mã thượng cẩm y-hồi

*

Ngày trắng ai ơi chớ bỏ hoài
Tuổi xanh đâu giờ lại cùng ai!
Bên song chịu khó chăm mà học,
Áo gấm xênh-xang trên ngựa hồi.

*

Thiếu niên sơ đăng đệ,
Hoàng đô đắc ý hồi.
Vũ-môn tam cấp lãng,
Bình-địa nhất thanh lôi.

*

Tuổi trẻ mà nay đã đỗ rồi
Kinh thành giờ lại thỏa lòng giai.
Vũ-môn ba đợt qua triều sóng,
Đất lặng vang âm một tiếng lôi

*

Kim bảng đề danh nhật,
Thanh-vân đắc lộ thì.
Văn-chương phương hiển quí,
Thiên hạ ái thanh trì.

*

Bảng vàng nay đã có tên ai,
Nhẹ gót mây xanh bước thảnh thơi
Mới biết văn chương rạng rạng rỡ,
Lừng danh ai chẳng rõ anh tài.

*

Độc chiếm nhất danh cao,
Phong-lưu áp chúng hào.
Thám hoa qui khứ vãn,
Hương khí mãn tam bào.

*

Tên nêu cao vót một mình ai.
Sung sướng tràn trên lớp sóng người
Mê mải thăm hoa về muộn bước,
Áo xanh còn đẫm ngát hương giời.

NGUYỄN ĐAN-TÂM *dịch*

BÀN GÓP VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG VIỆT NAM

ĐÀO TRỌNG ĐỦ

5. — Sự biến đổi không ngớt của tiếng nói.

Nòng nọc ở dưới nước hóa ra con cóc nhảy lên trên cạn: không ai lấy làm lạ. Con quăng ở dưới nước hóa ra con muỗi bay lên trên không: ai cũng cho là sự thường. Đến như con sâu rom rất xấu mà hóa ra con bướm bướm rất đẹp: sự biến đổi còn lạ nữa mà ta vẫn cho là lẽ tất nhiên của Tạo hóa.

Ta không lấy làm lạ, vì những sự biến-đổi ấy xảy ra trong một thời-kỳ rất ngắn, mắt ta có thể trông thấy được. Còn như biến-đổi của tiếng nói đã xảy ra trong hơn hai ngàn năm nay, ta không thể nào rút lại một vài ngày hay dăm ba tháng, cho mọi người đều trông thấy. Bàn về nguồn gốc Việt-ngữ, tất nhiên ta phải nghi-ngờ hoặc « hoặc » Rồi có ai nói: những tiếng *ba, đái,* một, hai (lần trước tôi đã xin lỗi độc giả rồi), đều ở chữ nho mà ra cả: *ba* ở chữ *a, đái* ở chữ *niệu, một* ở chữ *nhất, hai* ở chữ *nhị* Ta giả nhời ngay: Không thể được: cuốn chữ nho khác nhau một giời một vực, cớ đâu lại chung một nguồn gốc? Không những ta ngạc nhiên ta còn tức-giận với người đã cả gan nói những câu vô-lý như vậy. Những tưởng khi nghĩ thế, ta quên rằng chữ casserole nhập-tịch vào việt-ngữ đã thành ra cái « soong ». Chữ « soong » khác chữ casserole nhiều, hay chữ một khác chữ nhất nhiều, ta không có cách nào so sánh được. Dài đâu mà bảo đo, nặng đâu mà bảo cân, cho nên cái vấn-đề nguồn gốc Việt-ngữ, dễ ai bàn đến cho vừa lòng người nghe được. Người nghe thường phải giữ cách lịch sự và đáp lại những nhời quả-quyết của người nói bằng một nụ cười xuông. Một nụ cười cố sức đậm-đà mà nó vẫn nhạt như nước lã.

Tôi biết vậy, nhưng chưa hề nản chí. Tôi thích khảo cứu về nguồn gốc Việt ngữ, như chúng bạn thích đánh tổ-tôm; mỗi khi tôi tìm thấy một tiếng ngoại-quốc có thể so sánh với tiếng Việt-nam được, tôi cũng thích như ù chi chi vậy! Thật là kho giới chung mà vô tận của mình riêng! Một kho vô-tận ấy đã khuyến-khích tôi rất nhiều, nên mới dám đánh bạo dề-xướng lên cái thuyết: tiếng nói có thể biến đổi đi một cách không ngờ, và không biết đâu là giới hạn. Nghĩa là chữ A có thể biến ra hết thảy các mẫu-tự khác, từ Ă đến Ư; chữ B có thể biến ra tất-cả các tự-tự khác, từ C đến Z

(Trong bài này có mấy chữ cần viết tắt cho tiện: quảng-đông = qđ; bắc kinh = bk; tiếng xiêm = x; tiếng nhật = nb).

A — Biến - đổi của mẫu - tự

A = Ă như: bán ngày = băn ngày
ham ba = hăm ba
đang ấy = đăng ấy
hằng ngày = hằng ngày

A = Ầ như: dày (mỏng) = giầy
dạy (học) = giậy
bảy (rẽp) = bầy
cảy (ruộng) = cầy
đây (đi đây) = đầy
cạy (cạy cửa) = cậy
tảy (bằng) = tầy

A = E như: trà = chè (nước chè)
mà (vừng) = mè (tiếng nam-kỳ)
mẻ = me
xa = xe
hạ = hè (mùa hè)
hà = he (tôm he)
xả = xề
sa = the (áo the)
nhá = nhè
nhả = lè (lè ra)
pháp = phép
hạn = hẹn
giam, qđ = kám = kém
giản, qđ = kản = kén (kén chọn)
cao – chỉn = qđ = kéo (ciseaux)
giao, qđ = kảo = keo (để giáh)
báo = beo (con beo)
sát = xét
bát (chữ nho) = bát (bát bát)
trạo = chèo
quan = quen

khoa = khoe
khảo = khảo
mảo, qd = mảo
trảm = chém
trản = chén
phản = phản

A = Ê như : chữ nho — quảng đông :

xá (xá-xỉ) = sbế
xa (là xe) = sbế
giả (độc giả) = chế
gá (là mía) = chê
giá (là cái này) = chê
tả, là viết = sề
xà là rắn = sề
xã (xã-hội) = sề
xả là bắn = sề

A = I như : lẫ, qd (dẫ) = li xm
la, xm = li (li-biệt)
há (há cl ẩng) = hỉ, qd (khỏ)
hả (hả lộng) = kỉ
dã = dĩ
xa (xấu-xa) = xỉ (xấu-xỉ)
ngàn = ngkin
sinh = sinh
ngọc = ý, vin

A = O như

lãng = sông
phẳng, Bs = phồng
khoai lang = đồm bồng (tiếng mền)
sài = sôi (cuộc sôi)
kai = cõi
mạ = mỏ

A = Ô như: chữ n' = quảng đông

cá (hát) = kô
cả = kô-yản
la là lưới = lỡ
mã là mỡ = mỡ
ma là ma-quỉ = mốc
má là mái = mô
đa là nhiều = đô
đà là đại = thô
ngã là la = ngô

A = Ơ như :

dàn = uờn
dạ = dợ
mơ (ngay mơ) = mơ
giải = giỏi
đàm = tơm
đài = đợi
đái = đời

A = Ư như :

mùn = mừng (tiếng nam-kỳ)
man, (man trá) = mùn (qd)
bản = pủn, qd
fan, qd (fô oái) = vủi
thư sấp (tiền) = nhứ thập
Ra = shủ (xuất)

A = Ứ hơn :

thủ, nữ bên đọc là = thư (tiểu-thư)
giả, ngôn bên đọc là = chư (chương hầu)
giả, thảo đầu = trừ (trừ-danh)
dữ thổ đọc là = thư (biệt-thư)
cả = ngư
a (a ô a) = ư (thất ư)
là = shứ, bk (chữ tại la)

Những thí dụ trên này chỉ chúng ta biết rằng chữ A có thể biến ra a, ă, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư. Trái lại, bất-cứ mẫu-tự nào cũng có thể biến ra hết thảy mẫu-tự khác được cả.

B — *Biến đổi của phụ-âm*

B = M như :

bồ hôi, nb = mạo-tử
sôkon, nb = mạo-niêm
bồ hôi = mồ-hôi
bô côi = mồ-côi
bồ-hông = mồ-hông
biết = miết (tệ trên mọc dưới ; phần nhiều chữ

Xem tiếp trang 18

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN MẾN

Trong bốn năm cố gắng, Tri Tân đã đi được vững vàng trên đường văn hóa, một phần ủng hộ là nhờ tất cả các bạn độc giả trong năm xứ. Chúng tôi không biết lấy gì cảm tạ, lúc nào cũng chỉ xin hết sức cố gắng để đi đến bước thành công.

Song tình-hình giấy mực ngày một khan và đắt, sự bi-sinh của chúng tôi có chừng, mong độc giả lượng xét cho tình thế mà thể tất cho. Vậy bắt đầu từ *1er Juillet 1944*, chúng tôi buộc lòng phải tăng thêm giá báo theo sau đây :

1 năm	20$00
6 tháng	11.00
3 tháng	6.00
mỗi số	0.50

Trong lúc kỉ-cương khẩn này, chắc các bạn độc giả cũng chiếu tình cho và vẫn lòng ủng hộ tờ tạp chí văn hóa đang phải vật lộn để sống.

Kính đặt
TRI-TÂN

Một quyển sách mới

về Cụ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tạp-chí *Văn-mới* số 30-31, ra ngày 25 tháng 3 tây vừa rồi, đăng quyển *Tâm lý và tư tưởng Nguyễn công Trứ* của ông Nguyễn Bách Khoa, sách dày 384 trang.

Mới trông tên sách, ai cũng tưởng rằng tác-giả sẽ cho ta được nhiều điều ích lợi. Như thơ ca bằng chữ nôm của cụ Nguyễn-công Trứ, đã truyền tụng xưa nay, có lẽ tác-giả sao-lục được nhiều và chú thích dẫn giải được kỹ. Tờ tư sớ tấu trong khi cụ mở huyện Kim-sơn và Tiền-hải, và tờ lộ-bố, tấu tiệp trong khi cụ đánh bắc (cụ làm tham-tán đạo Thái-nguyên, Cao bằng), dẹp nam (cụ làm tán-lý Trấn-ninh), chương trình cụ lập thành từng lý, từng ấp từng trại, từng giáp, trong khi cụ làm Doanh-điền sứ để khai-khẩn đồn-điền, có lẽ tác-giả nói ra rõ-ràng, vì tâm-lý và tư-tưởng người ta thường ẩn trong văn-chương, và cách xử-sự. Nếu tác-giả làm được như thế, thì quyển sách này dày gấp ba cũng phải. Đàng này lại không thế, phần nhiều nói ra ngoài đầu đề. Như chương thứ 2 nói về *tri-thức-hệ nho-giáo;* chương thứ 3 nói về *đẳng cấp nho sĩ Việt nam*, v. v., đều là những đầu đề gắn vào cụ Nguyễn-công-Trứ mà không sát.

Giả tác-giả không lấy thuyết nọ thuyết kia gán cho lịch-sử nước ta và sự-tích cụ Nguyễn-công-Trứ, thì cũng có nhiều đoạn được. Nhưng tác-giả lại đem ý riêng của mình để vu-thống cho người đời xưa, như trang 84 tác-giả chép: «Lý-Tiến dâng sớ, Lý-cầm phục xuống sân kêu cầu thảm thiết»: đó là cách-thức đòi quyền lợi đầu tiên của đẳng cấp nho sĩ Việt-nam. Mà quyền lợi gì? Quyền làm quan như người Mẫu-quốc. Nguyện vọng thấp hèn, thái độ quỵ lụy, có tính cách nô lệ: đó là tất cả tinh-thần của đẳng cấp nho sĩ Việt-nam lúc mới thành hình». Tác-giả cho việc phủ phục ở sân rồng vua Tàu là «quỵ-lụy», là «nô lệ» thì có lẽ nhầm. Đó là lễ nghi đời xưa hiện giờ ở Âu-châu các triều-đình nước Anh nước Ý, gặp ngày lễ lớn quan hoặc dân đến với vua cũng phải quỳ xuống một chân. Huống chi ngày hôm Lý-Cầm tâu với vua Tàu, lại là ngày tết (chính là ngày lễ lớn), các nước chư hầu còn đến triều hội, không có lẽ Lý-Cầm làm chức túc-vệ ở đài (cũng như chức thị-vệ của ta) lại không giữ lễ.

Tác-giả nói: «Đòi quyền lợi gì? Quyền làm quan như người mẫu-quốc.

Nguyện vọng thấp hèn...» Thế thì cũng nhầm. Được quyền làm quan như người Mẫu quốc, sao lại gọi là «Nguyện vọng thấp hèn»? Chính vì có Lý-Tiến Lý-Cầm, người Tàu mới chịu cho những người Nam đỗ hiếu-liêm Mậu-tài được bổ huyện-lệnh bên Tàu. Chính hai ông ấy, một ông (Lý Tiến) làm đến thứ sử Giao-châu, tức là người cầm đầu vận mệnh nước Nam hồi bấy giờ; một ông (Lý Cầm) làm đến ty-lệ hiệu-úy; theo quan-chế nhà Hán thì ty-lệ hiệu-úy cũng như tể-tướng đời sau. Nếu không có bọn nho-sĩ Việt-nam, thì sao được thế?

Lại như trang 87, tác-giả chép rằng: «Năm 939, Ngô-Quyền xưng vương đóng đô ở Cổ Loa là năm thành công triệt để của giai cấp địa chủ và quan liêu Việt-Nam trong cuộc chiến đấu cho sự giải phóng dân tộc...». Sử chỉ chép Ngô-Quyền «đặt trăm quan, chế ra nghi-thức trong triều», và khen «làm những việc ấy, có quy-mô đế-vương» (*Khâm định Việt-sử, tiền biên*, q. 5, tờ 20 b và 21 a), chứ không thấy chỗ nào chép Ngô-Quyền phân ra «giai-cấp» cho rằng có đem các sử ra so-sánh, cũng không lấy chỗ nào mà kết luận rằng: Năm Ngô-Quyền lên ngôi «là năm thành công triệt để của giai-cấp địa chủ và quan liêu» vì rằng không cứ thời-đại nào, dân-tộc nào, chế-độ nào, cũng phải có địa-chủ, có quan-liêu, thì mới thành nước không thì chỉ là những «bộ lạc» mà thôi.

Đến trang 88, tác-giả nói rằng: «...ta không lấy làm lạ rằng suốt đời Bắc-thuộc (hơn một nghìn năm), nho học truyền sang Việt-Nam rất cần cù liên-tiếp mà sử không chép được lấy một nhà nho nào xuất-sắc». Thế là tác-giả không đọc kỹ sử Nam. Nước ta thuộc về Tây-Hán từ năm 111 trước Thiên-chúa. Người cai-trị đầu tiên là Thạch-Đái sang từ năm 110 tr. T.-G. kế chân Thạch-Đái biết bao nhiêu người, sử không chép rõ, vì không có chính-sự gì hay và cũng không có chính sự gì ác. Đến năm 29 sau T.-G

có Tích-Quang và Nhâm-Diên là hai chức thái-thú hai quận, chứ không có quyền gì cả Giao-chỉ, một người dạy dân lễ nghĩa, một người dạy dân cấy cấy và lễ giá-thú. Thế là Bắc-thuộc đến năm 140 (111 tr. T.-C. đến 29 sau T.-C.) mới có người dạy lễ nghĩa, chứ chưa dạy đến sách. Lại cách 158 năm nữa mới có Sĩ-Nhiếp sang làm thái-thú Giao-chỉ (vào năm 187 sau T.-C.) mở trường dạy dân học tập *Thi-Thư*, nhưng cũng chỉ được trong đời Sĩ Nhiếp, về sau Ngụy, Ngô, Tấn tranh nhau Giao-châu, hết hồi tranh nhau đến Nam Bắc triều, rồi đến ngũ đại, bên Tau cử người sang cai-trị còn chưa xong, thì giờ đâu mà lưu tâm đến việc học? Thế mà tác-giả nói « nho học truyền sang Việt-Nam vất là cần-cù liên tiếp » có phải là không đúng không?

Trên kia tôi theo chính-sử thì chép thế. Gần đây có quyển *Sử-ký cải-lương* (q. 1, tờ 26 a), đại ý nói rằng trước đời Sĩ-Nhiếp đã có Trương-Trọng, Lý Tiến, Lý-Cần đều là nổi tiếng khoa-danh, thế thì nước ta thông *Thi Thư* đã lâu, có lẽ trong đời Tích Quang, Nhâm-Diên đã có mở nhà học để dạy dân. Lời bàn ấy cũng có lý, nhưng « cần-cù và liên-tiếp » thì không phải; vả lại, dẫu có mở nhà học, thì những nhà học ấy cũng chỉ dạy dân biết lễ nghĩa thôi, còn nhà học để thi đỗ, thì thế nào cũng phải sang Tàu học một ít lâu mới đỗ được.

Đến câu tác-giả nói « Sử không chép được lấy một nhà nho nào xuất sắc » cũng nhầm; có lẽ tác-giả quên sử. *Bộ Đại Việt sử-ký toàn-thư* (q. 5, tờ 5 a) và *Đại-Việt sử ký tiền biên* (q. 9, tờ 8 a-b) đều chép: « Nước ta có ông Khương-công-Phụ người quận Cửu-chân, có cao tài, đỗ tiến-sĩ nhà Đường, bổ chức hiệu-thư-lang, rồi thăng đến Hàn-lâm học-sĩ, mỗi khi yết-kiến, tâu bày nhiều điều bổ ích, vua Tau rất khen, thăng Gián nghị đại-phu, dần dần thăng đến trung-thư môn-hạ bình-chương-sự (tức tể-tướng) cha là Khương-công-Đĩnh, em là Khương-công-Phụ đều đỗ tiến sĩ nhà Đường... » Các sử đều khen Công Phụ là « Nam hiền dụng bắc » nghĩa là « Người hiền tài nước Nam làm quan bên Tàu » và thế là « túy thời ». quyển *Trung-học việt-sử toát-yếu* (q. xuân, tờ 53a) có bài bàn rằng: « Lúc bấy giờ nhà Đường hạn chế người nước ta thi khoa Minh-kinh tiến-sĩ Tàu, mỗi năm lấy đỗ không quá mười người, mà nhà ông Khương-công Phụ ba người đỗ giáp bảng, thật là đứng đầu sĩ lam ở cõi Giao-Nam ». Thế sao lại gọi là Sử không chép được một nhà nho nào xuất-sắc?

Còn một người nữa, sử có chép mà người ta không để ý đến, là « ông Tinh-Thiều, gốc từ chương, đến đề tuyển bổ làm quan, thì Lại bộ thượng-thư nhà Lương là Thai-Tôn cho là bộ Tinh không có tiền-hiền (cũng như ta nói không phải dòng dõi nhà quan) bổ chức Quảng-dương mon lang, Tinh-Thiều lấy làm xỉ trở về cùng Lý Bí khởi binh » (*Khâm định việt sử tiền biên* (q 4, tờ 1 b), sau là văn quan của Lý Bí tức là quân sư của vị anh-hùng dựng nền đế-quốc đầu tiên của nước Nam.

Cùng trang ấy là trang 8a tác-giả lại kết một câu rằng: « Học chỉ để xu-nịnh quan trên và để áp bức kẻ dưới, thì làm sao mà phát kiến được những chân-lý xán-sắc tân kỳ? » Tác-giả nói thế không sợ tội với ông Tinh-Thiều ư?

Đã không nhớ ơn người trước, lại nói xấu thêm, trích mấy đoạn ấy đủ biết cái ý kiến của tác-giả thiên về thuyết nào; đã thiên về một thuyết thì làm sao mà biết được tâm-lý và tư-tưởng cổ nhân? Mới xem mấy chục trang đầu đã lộ chân tướng của tác-giả, không cần phải vạch rõ những chỗ khác, đại khái cũng nhầm lẫn như thế hết.

Trả lời tạp chí Văn mới (Hàn Thuyên)

Dưới quyển *Văn học khái luận* của ông Đặng-thái Mai in trong *Văn mới*, số 36-37, ra ngày 25-6 1944, có mục *Văn mới tạp trở* nói về những bài phê bình sử-học ở *Tri tân*

Văn mới nói « lối phê bình » của tôi « có mấy điều cốt yếu » như sau này: « Nhặt những chữ, những điển tích, những tài liệu mảnh vụn (!), những câu văn... cho là « sai », là « hỏng », rồi chữa lại theo sự nghiên cứu hoặc ý kiến riêng (?). »

(*Xem tiếp trang 17*)

Giá báo

1 năm	20$00
6 tháng	11,00
3 tháng	6,00
Mỗi số	0;50

Giới thiệu ngoại văn

TỪ HƠN NĂM MƯƠI NĂM VỀ TRƯỚC,
một người đã tiên-tri về thế giới bây giờ và thế-giới mai sau

Số 2

TAM-GIA

Một đêm đông, có mấy người cưỡi ngựa đến chùa gần đồi Houtouktou dấu hết thảy tăng-đồ đến họp cả trong gian gác ấy. Thế rồi một người trong bọn tả mặt lẻo ngại người và chất mũ ra. Ai nấy đều sợ quỳ xuống, vì người ấy chẳng phải ai xa lạ, chính là Chúa-tể Thế giới, chính là người đã thấu hết các bí mật vũ-trụ. Ngài tụng kinh bằng tiếng Tây-tạng, giáng-phúc cho mãn-toạ rồi tiên-tri những việc năm mươi năm sau. Trong khi ngài tụng kinh cái cửa buồng bên (gác gần làm hai) ở trước bàn thờ tự nhiên mở tung, mà đèn nến trên bàn thờ đồng-thời cũng sáng trưng; cả những đỉnh trầm, không có lửa, cũng nghi ngút khói, làm gian buồng thơm nức. Tiên-tri các việc xong, Chúa tể Thế-giới cũng từ từ hồi nhiên biến mất, không để lại một dấu vết; duy vóc ở trên ngai tự căng thẳng ra, như chưa có ai ngồi vào.

Ông Ferdinand Ossendowski theo Houtouktou vào ngay gian bên đồng là nơi thờ; trong khi Houtouktou quỳ xuống tụng niệm, ông nhìn bộ mặt yên-tĩnh và lạnh đạm của ông Phật vàng chói loạn đưa mắt nhìn về phía cái ngai. Thật là một việc quái-dị và khó tin! Ông trông thấy trước mặt một người thực, khoác áo trắng, khỏe mạnh, nhiều bắp thịt, mặt sạm, môi và hàm lộ vẻ nghiêm-nghị, cặp mắt sáng ngời tia sáng lắc cả mặt, thần-linh trong suốt như pha lê, nên ông vẫn thấy hàng chữ Tây-tạng ở trên ngai. Ông nhắm mắt lại, thông lại mở. Tuy không có ai nữa; nhưng chiếc điện vóc trên ngai đường như động-dậy.

Ông không tin, — phải lẽ một phát bác-học như ông lại tin ngay — đó là tâm-trí mình loạn-động. Cùng lúc ấy, vị Houtouktou ngoảnh lại bảo ông:

— Ngài đưa chiếc hatyk (1) của ngài đây cho tôi. Xem ý ngài như lo ngại về số-phận người thân-thích, tôi muốn kêu cầu cho họ. Phải kêu cầu mới được, cả ngài nữa, kêu xin Thượng đế; phải để lòng ngài hướng về phía đấng cứu-tinh Thế-giới từng đã qua đây.

Houtouktou đón chiếc hatyk của ông đem đặt lên vai Phật rồi quỳ lễ và tụng kinh. Xong, ngài ngẩng đầu lấy tay ra hiệu cho ông:

— Ngài hãy nhìn cái khoảng tối đằng sau pho tượng Phật; chúa tể Thế giới sẽ cho ngài xem người thân thích của ngài.

Ông ngỡ ngàng. Giây lát, trong khoảng tối tăm, có những sợi trong suốt bắt đầu hiện như những đám mây, rồi dần dần mờ, sau dần dần đặc lại, nhiều hơn, cho tới lúc thành hình người và vật. Thế là ông trông thấy trong một gian phòng lạ tất cả gia-đình và bạn thân của mình, cả những người khác nữa. Ông lại nhận ra cả cái áo của phu nhân; nét mặt phu-nhân rõ ràng lắm, trông thấy được. Hình ảnh dần dần mờ, biến trong những đám khói, sau cùng biến hẳn. Đằng sau pho tượng lại chỉ thấy tối tăm.

Ông trông chỉ mình ông trông thấy thế; có ngờ đâu, tới ra, ông lấy làm kinh ngạc rằng hai người Nga nữa, cùng đi với ông, cũng được chứng-kiến sự hiển-hiện ấy; họ ôn tả được cả dáng-dấp, y-phục của những người thân-thích ông đã trông thấy đằng sau tượng. Muốn cho chứng-cứ về việc hiển hiện lạ-lùng này, ông yêu-cầu hai người chứng-kiến thảo bài trường-thuật những cái họ trông thấy; hiện những giấy này cùng gửi.

Nhưng có ai được trông thấy chúa tể Thế giới chưa? Ngài đã giáng-lâm xuống Tiêm-la Ấn độ năm lần. Ngài ngự trên một cỗ xa lộng lẫy toàn vàng với châu ngọc, có voi kéo; còn chính Ngài khoác một chiếc áo trắng, đầu đội chiếc mũ miện đỏ có kim-cương rỏ xuống mặt như nước sông. Ngài cầm một quả táo bằng vàng.

giáng-phúc cho nhân-gian. Mắt người mù lại sáng mắt, người điếc lại biết nghe, người tàng-tật lại đi được, người chết chôi dậy trong mồ. Cách đây non hai trăm năm, Ngài cũng giáng thám chùa Erdeni Dzou ở gần tỉnh Zain Chabi, chùa Sakkai và chùa ở Narabanchi Kure (đều ở Mông-cổ).

Nhiều lần các Lạt-ma ở Ourga và Lhassa có cử sứ-bộ lên đầu chúa-tể Thế-giới; nhưng không thể tìm được ngài. Chỉ có một tướng Tây-tạng, sau một trận giao tranh với dân Mông-cổ, tìm ra một cái hang có chữ đề: « Đường này đưa đến Agharti ». Trong hang có một người hình dáng đẹp-đẽ đi ra; và trao cho một thanh vàng đầy những dấu hiệu bí-mật người ấy bảo viên tướng:

— Chúa-tể Thế-giới sẽ giáng-lâm trước mặt người trần khi nào thời-cơ đến để Ngài dẫn hết thảy những người thiện tranh-đấu với người ác, nhưng bây giờ chưa phải là lúc ấy. Những người xấu-xa nhất của nhân-loại chưa ra đời.

III. — Lời tiên-tri của Chúa-tể Thế-giới từ năm 1890

Theo lời vị Hamouman ở Narabanchi, khoảng năm 1890, Chúa-tể Thế-giới có xuống nói trước những việc hàm mươi năm về sau:

« Dần dần người trần càng sẽ quên linh-hồn mà chuyên-chú đến xác thịt. Nhân-tâm thế-đạo sẽ đổi-bại như chưa bao giờ thấy. Người đời sẽ giống như những ác-thú, khát máu của đồng-chủng. Hồi-giáo sẽ bị xóa mờ, còn các

Thông chế Retain đã nói:

Với nông dân, bản chức gen cầu rằng: khi nào đã đủ các thực phẩm cần thiết cho sự sinh sống của mình rồi thì hãy đem dùng cho nhà đền những hoa mầu dư mình đã làm ra được để họ dùng. Bản chức cũng khuyên bọn dân nhà dỗ lòng luân theo phép luật bởi thời gian khó khăn này mà thiết lập nên.

tông đồ sẽ rơi vào vòng nô lệ và chiến tranh liên-miên. Bọn chinh-phục Hồi-giáo sẽ bị mặt trời giáng nhưng sẽ khuấy lên được hai lần; họ sẽ gặp cái tai-họa ghê-gớm nhất, rút lại sẽ bị các dân-tộc khác miệt-thị. Ngôi báu các vua, cả to cả nhỏ, sẽ đổ: một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám... Sẽ có một cuộc chiến-tranh kinh-khủng giữa các dân-tộc. Bể sẽ ngầu đỏ... mặt đất và đáy bể sẽ đầy xương... nhiều nước sẽ bị phân chia, có dân tộc sẽ bị chết cả... Lại thêm đổi bệnh lạ, những vụ án chưa thấy luật nào bày đến mà thế-giới cũng chưa hề trông thấy. Bây giờ là thời-cơ của kẻ thù Thượng đế vẫn nấu trong con người. Kẻ nào nắm tay dắt một người khác cùng chết. Những kẻ bị bỏ quên, những kẻ bị ngược đãi sẽ đứng dậy và sẽ khiến cả thế-giới chú-ý đến. Sẽ có mây mù và dông-tố. Có những ngọn núi trọc sẽ có rừng xanh phủ kín. Quả đất sẽ rung chuyển... Hàng triệu người, sẽ đổi cái đây xác trong cảnh nô-lệ cùng những nỗi khuất-nhục để lấy cái đói, lấy nhục và cái chết. Các đường cũ sẽ đầy dặc những cảm người đi từ nơi này sang nơi kia. Những đô-thị to nhất, đẹp nhất sẽ chết về lửa một hai bữa. Cha sẽ chống lại con anh em chống lẫn nhau mọc chồn lại con gái. Ác-tập tội lỗi, sự hủy-hoại về xác và tinh thần sẽ nối sau... Các gia-đình sẽ bị tan nát. Tiết-nghĩa, ái-tình sẽ bị tiêu mất. Bạn người, chỉ một trăm sống sót... mà người ấy sẽ trần-truồng điên dại, kiệt sức, không biết xây lấy nhà mà ở hay kiếm miếng mà ăn... Người ấy sẽ kêu như con chó sói đang khát nước. Ấy sẽ ăn cả xác chết, cả thú mình, thách danh cả Thượng-đế... Tất cả quả đất sẽ trút rỗng. Thượng-đế cũng sẽ bỏ không nhìn nhận nữa. Trên mặt đất chỉ còn đêm tối và bóng chết tràn lan. Bấy giờ Ta sẽ sai một dân-tộc xuống; dân tộc ấy hiện giờ chưa ai biết, nhưng họ sẽ thẳng tay phá hết sự điên-đảo, các ác-tập vì nhu cầu dại, và sẽ diu dắt hết cả những kẻ còn trung thành với tinh thần của loài người vào một chiến-tranh chống lại với sự ác. Trên mặt đất được tẩy sạch vì các nước đã chết, họ sẽ lập một chốc sống mới. Đến năm thứ năm mươi, chỉ có bọn đại-cường-quốc xuất hiện thôi để cùng nhau giao-hảo trong bảy mươi mốt năm. Thế rồi lại có mười tám năm chiến-tranh và tàn-phá. Khi ấy các dân-tộc Agharti sẽ chui ở các hang ra mà xuất-hiện trên quả đất ».

(Hết)

TAM GIA

1) Hatyk: Tiếng Mông-cổ nghĩa là mảnh lụa xanh hay vàng dùng làm đồ tặng khách, biếu người trên hay dâng các lạt-ma, các thánh phật

ĐẠI CHÚNG VĂN HỌC

KIỀU THANH QUẾ

Đại chúng là gồm tất cả hạng dân tầm-thường trong một nước.

Còn văn học ? Gần đây, ông bạn Nguyễn hưng Phấn có cho ra quyển *Tìm nghĩa văn học* để đi lần tới một định nghĩa rõ rệt của hai chữ « văn học ». Ở đây, chúng tôi chỉ tìm có định nghĩa nào của văn học hợp với cái tinh thần đại chúng của nó mà thôi. Theo Sainte Beuve : « Văn học gồm những tư tưởng tân khởi và những tình cảm sâu xa để dẫn đạo tâm lý loài người đến chỗ đồng tình với nhau và nhân đó thức giục sự tiến bộ ». Nhưng theo Posnet, nhà văn học nước Anh hay xu hướng về đại-chúng, thì « văn học là bao quát những tác phẩm về văn vần và văn xuôi ; nếu mục đích là để xét lại việc xưa thì sao cho bằng để thâu thái kết quả của tư tưởng, nếu mục đích là để dạy dỗ thì sao cho bằng để ban cấp khoái lạc cho đa số quốc dân ; hơn nữa để bài bác cả những tri thức đặc thù và bay tỏ những tri thức của đại chúng ».

Đại chúng văn học gồm mấy yếu tố : ca dao (1), thần thoại, truyện cổ tích, truyền thuyết, tiểu thuyết

Thần thoại

Thần thoại là những chuyện hoàn toàn bịa đặt của riêng từng dân tộc, đặt ra để khoe khoang lịch sử nước mình cho thêm phần vẻ vang. Tỉ như chuyện bà Âu-cơ đẻ ra trăm trứng, chuyện con Rồng cháu Tiên của dân ta, chuyện dân Nhật là con cháu Thái-dương thần nữ v.. v...

Truyện cổ tích, Truyền thuyết

Truyền thuyết là những câu chuyện chỉ dựa vào đôi chút sự thực trong lịch sử, mà thêu dệt các bậc anh hùng dị nhân sao cho trở nên những nhân vật có tánh cách thần bí siêu trần. Tỉ như chuyện Phù-đổng thiên vương, chuyện thần Kim-qui của ta, chuyện Hậu Nghệ ăn cắp thuốc trường sanh của Tàu v... v..

Truyện cổ tích là những câu truyện ngụ ý về việc đời mà bịa đặt ra, cũng có tánh cách thần bí huyền ảo như truyền thuyết, nhưng nó đặc biệt ở chỗ bịa sao cho ngây thơ, giản dị hợp với tâm hồn trẻ con. Như các truyện cổ tích của Perrault mà ông Nguyễn văn Vĩnh đã dịch và do Đắc-Lộ thư xã tái bản gần đây. Ngoài ra, Âu châu còn có những truyện cổ tích của Anderson, của Grimm.

Dân A-rập có bộ *Nghìn lẻ một đêm*, một tập truyện hoang đường đã làm say mê cả thế giới.

Ấn-độ chép được hai quyển truyền thuyết là *Jatakas* và *Panchatantra*.

Cách nay 4600 năm, người Ai-cập đã rõ giá trị những truyện cổ tích, truyền thuyết và đã ra công sưu tập.

Thi thánh Homère xứ Hy-lạp trong hầu hết tác phẩm mình đều lấy truyền thuyết làm đề.

Ở Tàu, Bồ tùng Linh góp nhặt những chuyện huyền hồ chép tập *Liêu trai chí dị* làm say mê cả Đông phương và Tây phương.

Ở ta, ngoài mấy truyền thuyết — như chuyện thần Kim-Qui, Phù-đổng thiên vương — còn lắm chuyện hay tích lạ thấy chép trong *Nam hải dị nhân* của Phan kế Bính, trong *Truyện cổ nước Nam* của Nguyễn văn Ngọc.

Cũng như ca dao, truyền thuyết và truyện cổ là những bài thơ không vần mà xứ nào cũng có.

Nhưng từ xứ nọ sang xứ kia, câu truyện phải tùy theo từng chủng tộc mà thay đổi. Mà lạ thay ! Nhờ để ý nhận xét, người ta thấy rằng một ít cốt truyện giống nhau trong khắp các nước hoàn cầu. Phải chăng đó là những chứng cớ biểu lộ sự hợp nhất của tâm trí nhân loại ?

Nguyễn văn Vĩnh có dẫn diễn thuyết về truyện cổ, nói : « Người ta để ý nhận xét ở văn chương, ở những truyện cổ và những câu phong dao. Người ta đã tìm ra những cái nó chứng thực sự hợp nhất của tâm trí nhân loại. Câu truyện hoang đường Hy-lạp Crones cũng có ở bên Úc châu, ở Phi châu. « Du địa phủ » là một đoạn lịch sử chung của nhiều nước. Nhiều truyện của Perrault, của Grimm cũng thấy kể ở Viễn-đông và ở những đảo miền nam Viễn-đông. Những truyện thần quái hình như là một trạng thái cần phải có và đâu đâu cũng có. Người ta ngờ là những lệ luật nó cai quản tất cả những cái phát minh của trí tưởng tượng loài người ấy. Nói rõ những lệ luật đó là công việc của tương lai. »

(1) *Xem bài « Ca dao một yếu tố của đại chúng văn học » đã đăng Tri Tân.*

Giải tỏ chỗ giống nhau này của các truyện hoang đường, tác giả « *Quyển sách của bạn tôi* » (*Le livre de mon ami*), Anatole France có một luận điệu khác.

Theo A. France, truyện cổ, truyền thuyết là những bài hát hay bài thơ tả cảnh thiên nhiên, tả sức mạnh của tạo-vật, sự tuần hoàn của trời đất

Mặt trời mặt trăng là hai hiện tượng bốn mùa được thế nhân ca tụng.

Từ một xứ ở miền cực Bắc giá lạnh đến một xứ thơ mộng như thành Venise nước Ý, một truyện để than thở cảnh ảm đạm của mùa đông và để ca tụng ánh sáng tươi mát của mùa xuân mới chớm bao giờ cũng có.

Nàng công-chúa đẹp ngủ trong rừng mơ trăm năm là một truyện của nhà thi nhân (ở đây tức là Perrault) dùng để diễn đạt một cách hoa mỹ, để tượng-trưng lẽ sanh hoạt ngừng trệ của vạn vật trong khoảng ba tháng mười ngày giá rét của tiết đông thiên.

Hết trăm ngày giá rét, khí ấm của mùa xuân tốt tươi trên muôn cảnh lá biếc — như ông hoàng trẻ tuổi trong truyện kia — lại trở về đánh thức vạn vật.,

Con yêu râu xanh dữ tợn, theo ý A. France, chính là mặt trời, mặt trời chói lọi ở giữa vòm không xanh ngắt. Theo kiến giải của tiên sanh, mặt trời giết chết bảy ngày của tuần lễ, cũng như con yêu râu xanh giết chết bảy vợ (xem truyện *con yêu râu xanh* của Perrault). Người vợ thứ bảy sắp chết đứng bên cửa sổ kêu hai anh lại cứu, chính là gọi *bình minh* và *hoàng hôn* đến.

Trong truyện « cô bé quàng khăn đỏ », tri tưởng tượng của A France vi mặt trời với con chó sói. Khi ngày mới bắt đầu bình minh mắt mở và êm dịu vừa lỏ dạng, cô bé quàng khăn đỏ ngây thơ liều thoảng chạy đi thăm bà. Giữa đường cô gặp chó sói Tinh thiệt cô thuật hết mọi việc với sói. Sói chạy trước đến nhà bà của cô ta, ăn thịt bà cụ, rồi lên giường nằm đắp chăn đợi cô bé. Chẳng mấy lúc cô bé đến nạp mạng. Cô bé đi vào miệng sói, theo A. France, là đi vào cái ánh sáng đốt người kia. (2)

Theo những giải thuyết trên của A. France, ông Nguyễn Trọng Ngọc đã đem câu truyện hoang đường Thần Kim-quí của ta và truyện Hằng-nga nhập cung của Tàu dẫn giải trong một số báo *Tinh Hoa* năm xưa.

Ông Ngọc viết : « Vua Thục An-dương vương khi đã lấy được nước Nam có ý xây thành để làm vững sự nghiệp Thành vua đắp bằng đất, gặp phải lúc trái thời, mưa tầm tã hết ngày ấy sang ngày khác, đất đắp lên bao nhiêu, tuôi bấy nhiêu cả. Sau vua phải bày đàn cầu đảo, thì chẳng bao lâu mặt trời đỏ chói, thần Kim Qui hiện lên làm khô ráo đồng ruộng, công việc xây thành mới xong. Cái lẫy nỏ thần Kim Qui cho nhà vua chính là thành Cổ Loa. Nhờ có thành trì kiên cố, nhờ tiết trời mưa thuận gió, hòa, dân giàu nước thịnh, vua tôi nhà Thục đâm ra trễ nải việc trị chính. Triệu Đà dò biết tình hình như thế, sai con sang ở rể mà xem xét đường đi lối lại ở trong thành ; Mỵ Châu đã vô tình giúp chồng trong công việc do thám này.

« Lúc khua trận Mỵ Châu ngồi sau lưng cha, rắc lông ngỗng để chỉ đường cho Trọng Thủy, vô ý nàng đã giúp quân Triệu đã biết lối mà đuổi An-dương vương Bởi thế, khi thần Kim Qui lại hiện lên, lúc mặt trời buổi sáng lỏ mình ở biển đông, vua Thục nhận rõ được việc con làm, giận mà tuốt gươm chém.

« Trước sau mặt trời đã giúp vua Thục xây thành và nhìn thấy lông ngỗng của con gái rắc. Người xưa vì hay tôn sùng những sức mạnh thiên nhiên đã hóa mỹ mà gọi mặt trời là thần Rùa Vàng.

« Ở truyện Hằng Nga thì lời khác, mặt trời không phải là một con vật nữa mà là một người, chàng Hậu Nghệ đổ mặt. Thuốc trường sanh của chàng là ánh sáng, ánh sáng cần dùng cho sự sống của muôn loài. Không có ánh sáng, các tinh cầu sẽ lạnh dần ; không một cây cối, không một thú vật gì có thể sống nổi trong một trái đất tối tăm giá lạnh Mặt trăng ăn cắp ánh sáng ấy rồi chiếu xuống trần.

Hậu Nghệ giận vợ, ngày ngày cứ lúc tang tảng sáng lại dương cung ném những tia lửa về phía mặt trăng, trông tua tủa như những mũi tên vàng ».

Tiểu thuyết của đại chúng

Tiểu thuyết ngày nay cũng nằm trong văn học đại chúng Tiểu thuyết của đại chúng không thiên trọng về lối phô diễn cầu kỳ. Tánh chất, giá trị của nó là giản dị, đẹp và thật : dùng rất ít lời văn mà tả nên bức tranh linh hoạt đầy thi vị. Đó là yếu tố của đại chúng văn học.

(*Xem tiếp trang 16*)

(2) *Tìm xem những kiến giải này của A. France ở những trang chót quyển Le livre de mon ami.*

Hội Khuyến học Cần-thơ

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG THỦ KHOA NGHĨA

Nguyễn văn Kiết, chủ tịch ủy ban văn chương của hội K. H. C. T.

(Tiếp theo và hết)

Sau khi xem qua cả quyển, từ loại văn-thường thuần túy đến loại nghị-luận khảo-cứu, chúng tôi quyển ý ưa hơn quyển rồi hơn hết về nội dung và hình-thức quyển «Đồng quê» do tác giả Phi-Vân được giải nhất và quyết: «Truyện năm người thanh niên» của ông Nguyễn ngọc Tân được giải nhì.

«Đồng quê» là một tập phóng-sự về cuộc sống ở đồng quê Nam-kỳ, nước lên miền Bạc-liêu, Cà mau, câu chuyện rất lý-thú và mới mẻ, khác với nhiều tập phóng sự thường, vì tác-giả trình bày theo lối đoản-thiên tiểu-thuyết. Sách chia ra hai phần; phần thứ nhất gồm nhiều chuyện ngắn, mỗi chuyện có nhân vật riêng hoạt-động trong một khuôn cảnh đặc biệt. Tất cả chuyện kết lại tỉ ảnh ra những trạng thái biến đổi của cuộc sinh-hoạt hằng ngày ở đồng quê.

(... Lược...)

Phần thứ nhì trong quyển (Đồng quê) lại càng đặc sắc hơn nữa. Tác giả khéo tạo ra một nhân vật có tánh tổ tánh cách chung của một người thanh Việt-nam và tánh cách riêng của một chàng trẻ tuổi ở miền đồng ruộng Nam-kỳ.

(...lược...)

***

Chỗ hứng thú của quyển phóng sự ấy, là nó cho ta thấy những phong tục rất kỳ ở thôn quê, những tín-tưởng dị-đoan của hạng bình dân lao động. Nó cho ta thấy những cuộc giao-tiếp, xung đột, giữa bọn điền-chủ và tá-điền những tâm hồn mộc mạc trong bọn nầy và những oai-quyền thế-lực của bọn kia. Đọc qua chúng ta như thấy mình lạc-lõi chốn đồng quê, đang mục kích những cuộc tụ họp chơi bời, những cảnh cần-lao rộn rịp. Thỉnh-thoảng như đưa lại giọng hò trầm bổng trong đêm gặt, như phất lại mùi thơm thơm-đậm của lúa vàng... — Tác giả lại cốn dắt ta đi quanh co trong những sông rạch ở vùng Bạc-liêu, Cà-mâu, và sau mấy ngày dạo chơi mệt mỏi, tác giả dừng lại cho ta thấy một cảnh sân êm-đềm trên bờ sông Trẹm lững-lờ mấy làn khói trắng bốc lên; và dưới bóng dừa xanh tươi một thiếu phụ âm con đứng đợi chồng về, lâu lâu đuổi bầy gà đang bới trên giồng rau cải. Hoặc giữa đêm trường vắng vẻ, chiếc thuyền suôi mái theo rạch Bần, tác giả mời ta trông lên bờ sau hàng dừa nước âm-u, một vài ánh đèn lóe-lói; nghe từ xa đưa lại tiếng chày giã gạo, tiếng chó sủa đêm..

Cho được kể lại rất tài tình những điều quan sát rất kỹ-càng, làm cho ta như nghe, như thấy, lúc cười, lúc vui, tất phải nhờ một ngòi bút tỉ-mỉ mà linh-hoạt, một giọng văn thành-thật mà hữu duyên, một cách viết tự-nhiên, không rườm-rà mà đầy-đủ. Ông Phi-Vân đã gồm cả mấy điều-kiện ấy: Quyển phóng sự của ông như một tấn-tuồng gay-cấn đặt trong cảnh-trí xanh tươi; hay là — muốn nói cho rõ hơn — nó là một «nông kịch» chia ra nhiều lớp: có hồi-hộp, có vui-cười và sau rốt kết cuộc rất thương-tâm, khiến cho độc-giả phải ngậm ngùi cảm động.

Có lẽ đó là bài luân-lý sâu sắc mà tác giả không muốn chỉ cho rõ ràng, để ta tự hiểu ngầm mà thương hại cho hạng nông dân lao lực. Họ sống một cuộc đời mộc mạc, siêng năng; nhưng mãn kiếp phải làm nạn nhân cho bọn giàu sang thế lực. Mà cả thảy chúng ta theo như tác giả — nói lại là «nạn nhân của một thời kỳ»; cho nên đối với mọi người ta nên để lòng thương hại và thứ dung, và nên cầu nguyện cho chốn đồng quê được chút vui tươi yên ổn.

Với quyển «Truyện năm người thanh niên» của ông Nguyễn-ngọc-Tân, chúng ta đã từ giã chốn đồng quê mà trở về nơi xã-hội thực-tại. Tác giả tưởng tượng ra năm người trai trẻ viết thơ cho nhau mà tỏ những tâm tình tư tưởng của mình đối với đời, đối với xã hội. Năm người ấy, vào độ 24, 25 tuổi, có thể đại diện cho hạng thanh niên tân học Việt-nam. Mỗi người có một quan-niệm riêng và sống một cuộc đời khác.

(...lược...)

***

Cuộc hứng thú của tập tiểu-thuyết này là để cho ta biết rõ, tâm trạng của hạng Thanh-niên tân-học hiện thời, tâm-trạng thần-thức, băn-khoăn trước cảnh đau-buồn của thực-tế. Nó cho ta thấy họ ban đầu, hay chạn, cần sắp bước lầm đường, nhưng họ sớm xét mình, tỉnh ngộ, quyết đem cả nghị lực bồi bổ cho quê-hương. Chỗ thì nhứt, là những lời bợ phàn-nàn trách-móc lẫn nhau, và những câu đứng đắn nghiêm trang, họ dùng để khuyên lơn kêu gọi, để giải bày nghĩa vụ của một đấng thanh-niên. Đọc qua, chúng ta như nghe trong đó những tiếng, dội của tâm hồn mình, và vì thế mà nảy thêm lòng hăng hái thêm chí hy-sinh.

Những, trong đoạn kết có nhiều chi tiết bất ngờ, làm cho độc-giả không thỏa mãn về cách chấm dứt câu chuyện, và không thấy rõ chỗ dụng ý của tác-giả thế nào. Vả lại trong mấy đoạn sau, cách viết có hơi hấp tấp: nhiều chữ dùng sai, nhiều câu viết lộn, khác hẳn với những lời sáng sủa và đanh thép ở khúc đầu. Đó là chỗ khiếm khuyết của quyển văn và cũng là một điều rất đáng tiếc.

***

Nhưng dầu thế nào, xét trong đại thể, cuộc chấm thi này vẫn đem lại cho chúng tôi nhiều hy-vọng về văn-sĩ Nam-kỳ. Họ đã bỏ lối tiểu-thuyết lãng-mạn, hay những chuyện tưởng-tượng viển-vông. Phải chăng thời-kỳ của «Tuyết-hồng lệ-sử» và «Tố-Tâm» đã dứt hẳn rồi, mà ảnh hưởng của «Hồn bướm mơ tiên» cũng tiêu tan trong trí não, hầu hết các quyển gởi đến trong cuộc thi này đều có vẻ thực-tế: tiểu-thuyết, nghị-luận, khảo-cứu, mỗi loại đều chú trọng đến cuộc sống hiện-thời. Đó là một triệu chứng đáng mừng, vì chính thực-tế mới là phương-hướng của nhà văn, là nguồn gốc dồi dào cho văn-chương hữu-dụng. Nhưng — theo như chúng tôi thấy — tình như phần đông tác giả chưa đủ thì giờ để quan sát hay khảo cứu cho tường tận: tác phẩm của họ vì đó mà kém lý thấm-thía sâu xa.

Nhà văn sĩ phần đông phải vội-đời! phải sống nhiều trong xã-hội, phải có một tâm hồn phong-phú, một nhận-xét tinh-vi. Trước một cảnh trạng hay một vấn-đề, họ bao giờ cũng phải tách đôi làm nhà quan sát và nhà tâm-lý. Nói thế nghĩa là bảo riêng với nhà tiểu-thuyết không nên lãnh cái nhiệm-vụ dạy đời. Họ không nên pha vào trong tác phẩm mình nhiều ý-nghĩ, nhiều cần luận-lý, khuyên răn làm cho quyển văn phải nặng nề, phải làm gì thành một quyển triết lý họ cần quan sát, điều tra, cách nào cho trong mỗi hạng người này ra một nhân-vật đặc biệt, làm cho độc giả như thấy mình trong đó, như nghe bao hiểu lắm tình, tế tưởng, hành vi của nhân vật trong sách là phần chiếu ít nhiều nhân cách của người đời. Rồi tự nhiên độc giả sẽ đi đó mà sanh ghét, sau thương sẽ xa lánh hạng biếng nhác chơi bời mà hâm mộ người siêng năng đạo đức.

Những bậc thi sĩ, văn nhân như Nguyễn Du, Đỗ Chiểu, Molière, Tolstoï đã có ảnh hưởng lớn trong xã hội, là vì họ biết nhìn đời, biết đi sâu vào thực tế, họ đã tạo ra những kiểu người bất tử, mang cả tâm hồn của một dân tộc, một thời kỳ. Ước mong văn sĩ ở xứ ta sẽ nhắm vào những khuynh hướng mà họ không với đến; nhưng được lại gặp cũng đã đủ vui mừng.

TỦ SÁCH NGÀY MỚI
Đại Học thư xã trình bày:
Đã phát hành: **VĂN HỌC và TRIẾT LUẬN**
bà Mộng Sơn vừa
Căn cứ vào biện chứng-pháp, tác-giả nghiên cứu về vấn-đề phụ nữ trên thực-trạng của xã-hội Việt-Nam. 2$50
Sẽ phát hành
KHỔNG GIÁO với ÔNG ĐÀO-DUY-ANH
nghiên-cứu của Nguyễn Duy Diễm 3$00
VIỆC và SỐNG
Bình-luận về văn chương Việt Nam hiện đại của Nguyễn Xuân Huy
VĂN CHƯƠNG và XÃ HỘI
nghiên-cứu của Lương Đức Thiệp
Còn một tiểu: **MẸ TÔI** *tiểu-thuyết trọn bộ*
của Nguyễn Khắc Mẫn — *Giá 3$80*
ĐẠI HỌC THƯ XÃ *181 Henri d'Orléans Hanoï*
Boite postale N° 9 Giao dịch LÊ MỘNG GÂU

Đại chúng văn học

(Tiếp theo trang 13)

Tiểu thuyết của đại chúng không vì nghệ thuật mà vì nhân sinh.

Vì nghệ thuật là chú trọng ở lời văn ;

Vì nhân sinh là chú trọng ở hứng thú.

Đại chúng là hạng người lao khổ, cả ngày vất vả với sống còn. Một khi được thảnh thơi mở đến quyển tiểu-thuyết họ không cần gì hơn được tìm trong ấy một vài hứng thú, để qua những giờ nhàn rỗi vô vị.

Tiểu thuyết của đại chúng hiện có mấy loại :

1) Trinh thám tiểu thuyết
2) Lịch sử tiểu thuyết
3) Võ hiệp tiểu thuyết
4) Diễm tình tiểu-thuyết
5) Phiêu lưu tiểu thuyết
6) Giáo dục tiểu thuyết
7) Xã hội tiểu thuyết

Ở các nước Âu Mỹ nhất là ở nước Anh các loại tiểu thuyết kể trên đều có đủ trong đại chúng. Nước ta chưa có đủ ; hiện còn thiếu hai loại phiêu lưu và giáo dục tiểu thuyết chưa được phát triển cho lắm (Muốn bổ cứu cần phải dịch truyện thêm của ngoại quốc).

Còn về loại trinh thám, ta đã có những tiểu thuyết của Thế Lữ Phạm cao Củng ; loại võ hiệp, những tiểu thuyết của Thụ đức ; loại lịch sử những tiểu thuyết của Nguyễn - triệu - Luật, Phan - trần - Chức, Chu Thiên, Lan Khai ; loại diễm tình, những tiểu thuyết của Song An, Khái Hưng, Nhất Linh ; loại xã hội ; những tiểu thuyết của Vũ trọng Phụng, Lê văn Trương ..

KIỀU THANH QUẾ

Đầu tháng Août sẽ có :

QUANG TRUNG tập II

dày hơn 300 trang và nhiều tranh phụ bản, giá 5$00

Viết thơ cho : TRỊNH NHƯ LUẬN
121 Chan eau n e Hanoi

HỘI NGHỊ GIÁO KHOA TOÀN QUỐC

do Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ tổ-chức tại Hà-Thành

L.T.S. — Chúng tôi nhận được từ đạt sau này nhờ đăng xin vui lòng cho in nguyên văn

Theo đuổi công-cuộc chống nạn thất-học, từ ngày Hội Truyền Bá Quốc-Ngữ thành lập tới nay, đã được sáu năm. Hội chưa kể chênh-mảng một phút nào : Hội Bắc-Kỳ đã mở được 20 chi-nhánh, Hội Trung Kỳ đã làm được nhiều kết-quả tốt-đẹp. Ở Nam-Kỳ Ai-lao và Cao-Mên, anh em đồng-chí sốt-sắng đối với những đồng-bào thất-học cũng đứng lên mở lớp học cho người nghèo. Số người cứu thoát nạn thất học ở Bắc-Kỳ có trên 5 vạn.

Số 5 vạn ấy so với số người thất học chưa thấm vào đâu. Nhưng nếu kể những bước trở ngại ban đầu, những sự khó-khăn phải vượt luôn luôn thì sự thành-công trong bước đầu của Hội thực đáng chú ý và là một triệu-chứng đáng mừng cho tiền đồ nước ta.

Cơ-sở của Hội nay đã tạm vững, tôn-chỉ mỗi ngày một rõ-rệt, thanh-niên tham dự mỗi ngày một nhiều, Chính phủ cũng đặc biệt để ý đến phong-trào : mới đây quan Thống-sứ Bắc-Kỳ lại thông-tư cho các quan đầu lĩnh nên giúp đỡ Hội về mọi phương-diện trong việc chống nạn thất-học.

Sự ủng-hộ nhiệt liệt của quốc-dân, sự ân-cần của Chính-phủ cả ở khích-lệ các chiến-sĩ chống nạn thất-học và thôi-thúc Hội nhân tình-thế hiện-thời, ấn - định một chương - trình hành động mới để bài trừ nạn thất học trong một thời-gian ngắn-ngắn.

Cũng vì thế nên nhân dịp kỷ-niệm đệ lục chu-niên Hội, ban Trung-ương Hội Bắc-Kỳ sẽ tổ chức tại Hội-quán Hội Vận-động Việt-Nam (Cercle Sportif Annamite) ở Phố Charles Coulier, Hà-nội, vào hai ngày 29 và 30 juillet sắp tới, một HỘI-NGHỊ GIÁO KHOA TOÀN QUỐC có mời đủ các nơi về họp để thắt chặt giây liên-kết thân ái và trao đổi những kinh-nghiệm và sáng-kiến về cách tổ chức, và phép sư-phạm.

Đó là một tin mừng cho hết thảy người Nam hằng ao-ước giữa các đồng-chí khắp ba kỳ có một tinh-thần đằm-thắm và một sự hoạt-động quy-củ và duy-nhất để những sự nỗ lực và sự hi-sinh được thêm hiệu-quả.

Chắc rằng các giáo-viên lượng hết tính-cách quan-trọng của Hội-Nghị sẽ tới dự rõ đông, mặc dầu bao nỗi khó khăn trong sự đi lại hiện thời.

Hội Nghị Giáo-khoa, sau cuộc thảo luận của các chiến-sĩ bốn phương đầy nhiệt huyết, giàu kinh-nghiệm sẽ là chấm hết một cuộc thử sức ban đầu và là mở mào cho một giai-đoạn có thống-hệ hơn và có một sức tiến-mạnh-mẽ hơn.

2e édition :

Cent Rédactions corrigées au Certificat d'études

pour Trần-hay-Cơ et Ng hay Hoàng Instituteurs

Ouvrage adoptée par la commission des manuels scolaires de l'Indochine

Prix 2$00 — Port recommandé 0$32

Librairie Đông-Tây,
195 rue du Coton HANOI

Một quyển sử mới...

(*Tiếp theo trang 9*)

Nhưng *Văn mới* không dẫn một chữ nào, hoặc một câu nào gọi là « ý kiến riêng ». Thế mà xưa nay *Văn mới* vẫn nêu lên là theo «phương pháp khoa-học»! Đã khoa-học thì phải dẫn chứng. *Văn mới* không dẫn được, nên đến câu dưới, phải nói lấp liếm tôi « mê tín (?) các tờ a, tờ b, của thư-viện trường Bác-cổ...» ! Nếu « mê tín » thì sao lại gọi là « ý-kiến riêng » ? Có phải là trái nhau không ? Mà lộ ra rằng *Văn mới* chưa biết cách làm sử ?... Làm sử tất phải kê-cứu. Kê-cứu tất phải tìm sách. Tìm được sách đích-đáng, tất phải dẫn cho rõ-ràng, để có ai ngờ điều gì xét lại được ngay. Thế là khoa-học, chứ không phải « mê-tín ». Mà dù có theo ý riêng, cũng không phải là mê-tín, vì đã mê-tín thì không thể theo ý riêng được... Mới dòng trên dòng dưới mà đã trái nhau đến thế !

Lại nhận sách mình là « tài liệu mảnh vụn » !... Cái đó không lấy gì làm lạ. *Văn mới* vẫn có lối « ăn cháo ... ... » như thế ; Đến bài *Ông nghè triều Lê*, — bết dẫn, — đến « mượn » — đủ cách — thế mà rồi lại bảo là... « không ích gì » ! Huống - chi tài-liệu của người nhà : *Văn mới* còn cho là « mảnh vụn » ; chứ của người ngoài, thì tệ để đâu !

Văn mới lại bịa ra rằng «không bao giờ » tôi « nói đến những cái hay, cái đẹp (!) cái đặc sắc của quyển sách » tôi phê-bình. Thế sao *Văn mới* lại lấy một câu phê-bình của tôi làm quảng-cáo ở số 13-14, ngày 25 6 1943, dưới quyển *Đời sống thái cổ* ? Câu ấy phê bình quyển *Gốc tích loài người* của *Văn mới* như thế này : « Văn viết rõ-ràng và dản dị, thật là bổ ích và hợp thời » . Có phải đó là lối « ăn cháo ... ... » không ? Thế mới biết lỗi quay-quất, thì thế nào cũng có cái « giấu đầu hở đuôi » !

Đọc nốt câu này lại càng rõ. *Văn mới* nói tôi « chỉ nêu ra những cái bổng, cái dở để cải lại ». Thế là nhận rằng có « bổng » có « dở », thì người ta mới « chỉnh » được. Đã vậy, sao lại còn hỏi « lối phê-bình ấy có giá trị gì không » ? Có phải là trái với câu trên khôi ... Phàm đã cầm bút làm sách viết báo, thì phải biết rằng : ở đâu cũng vậy, đối với ai cũng vậy, lẽ thấy người ta lầm lỗi, mà mình bảo để cho người ta sửa lại thì mình giúp ích cho người ta, mà lời nói của mình rất có « giá-trị ». Huống chi việc nhà phê bình là phải nói rõ những điều sai điều lầm, để cho người làm sách chữa lại, và để cho người đọc sách khỏi nhầm lẫy.

Văn mới lại hỏi « lối phê bình ấy có lợi gì cho sự tiến triển của tư tưởng và văn chương Việt-nam ta lúc này không ? » Độc-giả *Tri-tân* đã trả lời hộ tôi từ lâu rồi. Như giáo sư M.v.P. viết thư cho tôi ngày 9 6-1942 để cảm ơn đã chỉ chỗ nhầm và nhờ tôi chỉ nốt để in lại cuốn sử Nam. Thật là người phục thiện đáng kính, vì làm sách cốt tìm sự thực, chứ không phải lợi. Lại như nhà xuất bản C.L. viết giấy cho tôi từ hồi năm ngoái để in lại các bài phê bình trong *Tri tân* ; tôi còn ngần ngại, thì mới đây lại đến tận Bắc-cổ giục tôi cho in thành sách. Ấy thế mà chính nhà C.L. ấy đã xuất bản một quyển mà tôi đã phê bình ở đây... Thế-tưởng nếu không lợi gì, thì không ai viết giấy như thế. Tôi còn giữ hơn một trăm bức thư của độc giả, phần nhiều cảm ơn đã cho biết chỗ sai lầm, và hỏi tôi sao không phê - bình quyển nọ quyển kia, để độc-giả xem có ích gì không.

Như thế, dù biết « lối phê bình » của tôi « giá trị » và « lợi ích » thế nào. Nhân thế lại biết cả lối... « tạp trở » của *Văn mới* nữa !

Nếu *Văn mới* cứ dùng lối ấy để làm xấu chữ « Tân văn hóa », thì còn phải « phê-bình nghiêm-khắc » để cho *Văn mới* (Hàn Thuyên) tỉnh ngộ đâu.

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đã có bán :

MỘT MỐI TÌNH

Của cụ Phạm-Huy Toại

Giá 3$10

Cuốn Một mối tình của cụ Phạm-huy-Toại, nguyên Bố Chánh tỉnh Sơn-Tây. Phần thứ nhất là văn trước-tác của cụ, lời văn uyển-chuyển, lưu loát, ý văn thâm-thúy, thanh - cao. Phần thứ hai gồm có những bài dịch nhưng ông văn thiên thu bất-hủ, trong văn-học-sử Trung-hoa, như Quy-khứ-lai-từ của Đào-Tiềm, Tiền-Xích-Bích-Phú của Tô-Đông-Pha, văn vân, có in cả chữ nho, và dịch ra thơ nôm.

Một mối tình là một cuốn văn kiệt-tác, rất hiếm có trong văn-học-giới thời nay.

BẢY BÔNG LÚA LÉP

Tức Hoa Mai số 40

của Nam Cao Giá 0$50

HƯNG ĐẠO-VƯƠNG

Tức Hoa-Mai số 41

của Tiên-Lang Giá 0$50

Nhà xuất bản Cộng Lực

N° 9 Rue Takou Hanoi

Bàn góp về nguồn-gốc tiếng Việt-nam

(Tiếp theo trang 7)

nào có chữ tệ trên đọc là *biết*, hay là *miết*, *miệt*)

M = D như

mlo, qd = điện (phương điện)

mlo, qd = nân, (q ốc-dân)

mlng, mlang qd = danh

mí b = đánh, (chữ danh thảo dần có người đọc là mính)

O = R = Gi. — Người Bắc hay lẫn lộn D với R và Gi.

G = K rb. :

gà = kà

gầm = kầm, qd

= kém

giản = kản, qd

= kém, kém chọn

K = ch như :

kê (là gà) = chi, bk

Vì K chữ nho, phần nhiều đổi ra vần Ch kể kinh.

Ch = Tr. — Hai vần này ta thường lẫn với nhau.

Tr = T. — « Cọc tâu tầng buộc cây te tự » là câu ngoài Bắc thường nói để chế nhạo những người lẫn Tr với T.

T = Đ như những chữ vần T quảng-đông đổi ra vần Đ việt-nam tài là đài, tố là đa, tản là đan, vân vân...

Đ = D như : đọa = đọa, đều = nhiều ; như tôi đã nói trong một bài trước.

Đ = L như : làm = làm. Hai vần này có chỗ lẫn với nhau.

N = Nh, như :

nàm (5A) = nhăm

nesu, nh = nhiệt

Nppon = nhật-bản

Nlp, qd = nhiếp

Nn = Ng — Nh việt-nam thành ra Ng quảng-đông : nhan-sắc là ngan sắc, long-nhãn là lòng-ngan, vân vân...

K = G, — Chữ nho vần K (K hay G) dân-hóa ra tiếng nôm nhiều thành ra vần G, như kê là gà, cân là gân, cận là gần vân vân... Trong cuốn *Việt-nam tự-điển* hội Khai-trí vần G là vần tuyển nôm có hơn 200 tiếng, hơn 50 tiếng ở chữ nho vần K chiếm gần 30 chữ, còn 20 chữ kia là do những vần H, Kh và G.

L = S nhẹ

lên = sen

lập = sấp

lựa = sứa

lợi = sắc (dao sắc)

S = Th. — S quảng-đông là Th việt-nam : sân thần là thần-thần, sông-vân là thánh-thần,

M = V — M quảng-đông là V việt-nam : mấn-mỉng là vấn-mạng, hoạt-mãi là hoạt-vãi, thu-mẫu là thiếu-vũ, mẫu-mỉ là vô-vi.

V = H, — V tiếng nôm là W quảng-đông hay là H chữ nho, như :

về = wui = hồi

vẽ = wà = họa

vạ = wà = họa (họa phúc)

vàng = wòng = hoàng

H = Ph. — H chữ nho là Fo, F quảng-đông : hỏa là fổ, hoang là foang, hoa là fa.

Kh = H. — Kh chữ nho là H quảng-đông : khát một hot, không-khí là hùng-hi, khả-dĩ là hồ-ỷ, v.v

Theo phép số học mà so sánh từ trên trở xuống, ta nhận thấy rằng bất-cứ một phụ-âm nào cũng có thể biến-hóa ra hết thảy các phụ-âm khác được cả.

Đã có bán

Làm đẹp giới

của Bà VÂN-ĐÀI

— Có ngót một nghìn mọn ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi

— Được đặc quyền in bằng giấy tây. Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6$50 — Cước 1$20

Tiền và mandat xin gửi đề :

Bà ĐÀO THỊ MINH

118 Phố Dupillier — Hanoi

Đoạn trên mấy mươi bàn về chữ cái. Muốn được nhiều thí dụ lạ nữa, không gì bằng ta xem qua sách quyển tự vị tiếng nhật, tiếng quảng đông, tiếng bắc-kinh. Ví-dụ :

Một âm Kộ nhật (âm dài), đọc ra chữ nho thành ra hành, hiệu, cảng, hạng, cao, giáo, xảo, khẩng, bạnh, cảnh, giảng, hảo, hương, trường, ngang, giáp, hoàng, cộng, hầu, hồng, khẩu, hưng, v.v.

Một âm shú (1) bắc-kinh đọc ra giọng việt-nam, thành ra sáu chữ khác nhau : sứ, sự, thế, thệ, thị, thi.

Một âm ỷ quảng đông đọc ra chữ nho thành ra bốn chữ : dĩ, hĩ, nhĩ, ngkị.

Vậy bảo *một* ở chữ *nhất*, *hai* ở chữ *nhị*, *cả* ở chữ *ngã*, *cơm* ở chữ *phạn*, vị tất đã vô lý. Hoặc có người bảo những thí dụ trên này một phần lớn thuộc về tiếng ngoại-quốc, người Việt-nam ta có đâu nói chạnh ra đến thế được. Nói vậy chưa chắc đã là chân-lý. Giới sinh ra người ta, các bộ-phận thường không khác nhau mấy. Cái cuống-họng, cái lưỡi dùng để nói nó vẫn như nhau cho nên một đứa trẻ con Việt-nam để ở bên Tàu sinh trưởng ở bên Tàu nói tiếng Tàu tất-nhiên giống hệt như người Tàu. Nói trái lại người Quảng-đông, người Bắc-kinh sinh trưởng ở bên ta cũng vậy. Một chứng cớ nữa là người Khách nói vần Đ ra L, ta cũng nói Đ ra L : đàn bà là lền bà, lền bà, người Nhật đọc chữ đầu chữ đồ là Z, Việt-nam ta cũng đọc chữ haudière là sứp ze, nghĩa là cũng đọc chữ đ ra chữ z.

Nếu vậy thì hết thảy tiếng việt nam bây giờ là ở chữ nho tiếng khách hay sao ? Người Giao-chỉ ngày trước không kém-cỏi đến nỗi không biết cả.. *la-hỏi, đại sắc*, là những công-việc rất tầm-thường của nhân-loại.

Độc giả tức mình cũng phải ?.

(Còn nữa)

ĐÀO TRỌNG ĐỦ

(1) *Dấu quốc ngữ dùng vào giọng quảng đông, giọng bắc kinh không được đúng lắm. Xin độc giả lượng cho!*

Đính chính

T. T. số 150, trang 8, cột 3, dòng 35 : Lữ trung *tạp* bút, đọc là Lữ trung *lãng* bút ; trang 13, cột 3, dòng 6 : Lã *Văn* Lợi, đọc là Lã *Vinh* Lợi.

Giới thiệu

Tri Tân vừa nhận được :

1. - *Phạm Quỳnh* : Thượng chi văn tập (III) - Alexandre de Rhodes xuất bản giá 5$00

2. - *Đặng thái Mai* : Văn học khái luận - Hàn thuyên xuất bản giá 4$00

3. - *Mgr Drapier* : A l'œuvre Vì chúa xuất bản

4. - *Lam Giang* : Luận lý du thuyết yếu nhật - Quốc học thư xã xuất bản giá 3$30

5. - *Nguyễn đức Chính* : Thơ « Người ở phương » xuất bản giá 1$50

6. - *Nguyễn đức Chính* : Trẻ thơ - Người bốn phương xuất bản giá 1$50

7. - *Tự Cương* : Tarzan người khỉ - Người bốn phương xuất bản giá 3$25

Xin giới thiệu với các bạn đọc các sách trên và cảm ơn các nhà xuất bản.

TRI TÂN

Đã có bán

THƠ ĐỖ PHỦ

Một trong tục tài tử của Tàu Bản dịch của NHƯỢNG TỐNG

Một tập thơ vĩ-đại — dày 400 trang gồm 332 bài dữ-liệu, lấy các về ra lọc những bài hay nhất trong 1.405 bài của thi-sĩ, một thiên-tài về thơ cổ-kim những của nước Tàu của châu Á mà là của cả thế giới của cả muôn đời.

Giá 11$50

ở Hanoi, sách để bán tại

TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

Trong Sử Nam...

(*Tiếp theo trang 5*)

về Lồi Tuyên tông, ngang bên ta là vua Lê-Lợi) đến gần bốn trăm năm, và lại người Tàu chép việc nước ta thì không lấy gì làm đúng cho lắm. Nay thử đem đoạn sách Tàu có chép chuyện Lê-Thiện, so với mấy quyển sử ta thì thấy khác nhau, quyển sử Tàu là quyển *Lịch-đại thông-giám tập-lãm* (q 103, tờ 6 b và 7 a) chép rằng : « Tháng 11 năm Tuyên-đức thứ 1 nhà Minh (1426), quân Vương Thông đến Giao-chỉ, họp giặc ở Ứng bình, bị thua; tham tán thượng thư là Trần-Hạp bị chết Kẻ Vương Thông chưa đến ; ở Giao chỉ có em Lê Lợi là Thiện đánh phủ Giao-châu, đô-đốc là Trần-Tuấn đánh được ; tham-tướng là Mã anh phá giặc ở Thanh-oai, đến Thạch thất gặp quân Vương-Thông đến, bèn họp nhau lại, đóng ở Ninh Kiều thuộc về Ứng-bình, các tướng đều nói đất hiểm trở, sợ có phục binh, nên cho quân đi dò la trước. Thông không nghe, cho quân sang đò ngang, người ngựa bị xa lầy, kỉ ông thành hàng ngũ, quân phục 4 bên nổi dậy, quân Vương-Thông tự nhiên vỡ, bị chết đến 2, 3 vạn, Thông chạy thoát, thượng-thư Trần-Hạp bị ngựa xa lầy, tả hữu định đỡ Hạp dậy, Hạp mắng rằng : Ta là đại-thần trong nước, trả nợ nước, chính ở lúc này ». Hạp múa giao chém được vài người của giặc, rồi tự vẫn chết...»

Sử ta chép rằng : « Tháng 10 năm Bính-ngọ (1426) tức là năm thứ 9 của Bình định-Vương Lê-Lợi, vua nhà Minh sai tổng binh là Vương-Thông, tham tán là thượng-thư Trần-Hạp, tham-tướng là Mã-Anh đem năm vạn quân và năm nghìn quân Kỵ lại cứu, đến Đông-đô, Vương-Thông mới đến bãy còn hăng bái, đem tất cả 10 vạn quân và bọn Trần-Hạp, Sơn-Thọ, Mã Kỳ, Lý-An, Phương-chính, Trần-Trí, chia ra làm ba đạo ra thành, đánh Lê-Triện, Lê-Bí ở bến đò Cổ sở, Triện cáo cấp với Lê-Lễ, Lê Xí ; Bọn Lê Lễ ở Thanh-đàm lại cứu, hợp mưu dụ giặc rồi cố sức đánh, phá được quân Vương-Thông ở Ninh-Kiều, chém Trần-Hạp và Lý-Lượng và năm vạn quân chết đuối rất nhiều... Vương Thông được sống sót » (*Đại-Việt thông-sử*, q. 1 tờ 24 a) Thế là sử ta với sử Tàu chép tên đất có chỗ khác nhau, như sử ta chép bến đò Cổ-sở tức là bến đò Phùng, thuộc Luyện Thạch-thất, mà sử Tàu chép là Thạch-thất tên đất khác nhau, chắc tên người cũng có chỗ khác nhau : xem sử ta đoạn này thì có ông Lê-Triện và ông Lê-Bí bị thua ở Cổ-sở, so với quyển *Thông-giám tập-lãm* thì có lẽ là Lê-Triện mà chép nhầm là Lê-Thiện chăng cũng như chữ Thanh-oai, quyển ấy viết chữ Thanh thừa ba chấm thủy, và chữ Ứng-bình ở quyển ấy, sử ta chép là Ứng-thiên, đều là hơi giống, chứ không thật đúng, vì thế mới có cái lý Lê-Triện ra Lê-Thiện Chính một quyển sử Tàu nữa là *Minh-sử* (q 9. tờ 3a) cũng chép việc ấy mà không chép tên nào là Lê-Thiện.

Xét rộng ra đến quyển *Nhân-vật tinh-thị-khảo* nước ta về đầu triều Lê không có người nào tên là Lê-Thiện cả.

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

...bộ Việt-sử hoàn toàn

(*Tiếp theo trang 2*)

để bổ túc cho đoạn Lệ-sử của ta nữa.

Ngoài những tài-liệu trong sử sách, ta còn phải khảo cả ở bia Đá đời Lê và những di-tích ở Lam sơn.

Ngoài những võ công bình Minh ghi chép trên giấy, ta còn cần phải biết đến những binh khí, những chiến cụ ở đương thời.

Ngoài những hiến chương pháp độ của triều khai sáng ấy, ta còn cần phải biết về mặt xã-hội, về mặt kinh-tế, về mặt mỹ-thuật, v.v. Bấy giờ dân-chúng sinh-hoạt thế nào, khí-dụng thế nào, tiền-tệ thế nào, những nghề kiến trúc, đều khác thế nào.. Đó đều là những đối-tượng cần phải nghiên cứu cả.

Vậy xin hỏi : một người suốt đời thử chỉ chuyên khảo về một thời-đại Lê sơ ấy phỏng đã làm được hết việc chưa ?

Một triều dễ làm như triều Lê Thái-tổ ấy, vậy mà còn phải dụng công đến thế thay, huống chi những triều-đại bị xóa nhòa như Tây-sơn chẳng hạn, thì công tìm-tòi khảo cứu còn phải khó-khăn vất-vả đến ngần nào.

Vậy muốn có kết quả tốt trên đường sử học, thiết tưởng chúng ta ngày nay cần phải chia ngay từng thời-đại mà làm dần đi.

Ôm-đồm chỉ tổ hỏng việc.

Không chuyên-môn : lại càng thất sách. HOA-BẰNG

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p·00 một vé

Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 59

Ông-hóe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV — Kim Vân Kiều. *(bài nối)*

Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh (1920, trang 98, và 1943, tr. 363) và kinh bản của cụ Kiều-oánh-Mậu *(Đoạn trường tân thanh*, tờ 37 b) viết câu 1467 và 1468 là : « Bày hàng cổ suý xôn-xao, Song-song đưa tới trường đào sánh đôi ». Phường-bản của Quan-văn-đường (tờ 46 b), *Vương Kim diễn tự* (tờ 42 b) viết là : « Bay hàng cổ vũ xôn-xao ». *Kim Vân Kiều chú* (tờ 26 a) cũng viết chữ « cổ vũ », nhưng câu dưới viết là « Song-song đưa tới trường đào sánh vai » : chính ra chữ « cổ suý » và chữ « sánh đôi » mới phải.

— Quốc-ngữ, phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* đều viết : « Tin nhà ngày một vắng tin, Mặn tình cát-lũy, nhạt tình tao-khang ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* viết là « Mặn tình cát-lũy, nhạt nguyền tao-khang » : nghĩa giống nhau, có lẽ vì cho chữ « tình » không đúng vần chữ « tin », nên đổi chữ « nguyền » cho hợp.

— Bản quốc-ngữ năm 1920 (tr. 100) chép câu 1496 là « Đanh tình, sinh mới quyết lòng hồi trang », Phường bản và *Kim Vân Kiều chú* viết : « Định tình, sinh mới quyết lòng hồi trang » Bản quốc-ngữ năm 1943 (tr. 369) và kinh-bản cùng *Vương Kim diễn tự* đều chép là « Đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang ».

— Bản quốc-ngữ năm 1920 viết : « Rạng mai gửi đến xuân-đường » ; bản quốc-ngữ mới (1943) viết « Rạng ra gửi đến xuân đường ». Các bản nôm đều viết « Sáng ra gửi đến xuân-đường » : chữ « rạng » và chữ « sáng » cùng nghĩa ; nhưng theo lối văn nho hai chữ « rạng ra » cho là « bệnh-thanh », nên theo các bản nôm mới phải.

— Hai bản quốc-ngữ và phường bản, *Kim Vân Kiều chú* đều viết « Sông Tần một giải xanh-xanh ». Kinh-bản (tờ 38 b), *Vương Kim diễn tự* (tờ 43 b) đều viết « Sông Tần một giải trong xanh ».

— Bản quốc-ngữ năm 1920, kinh-bản, *Vương Kim diễn tự* và *Kim Vân Kiều chú* đều viết « Cầm tay dài thở, ngắn than », Phường-bản và quyển quốc-ngữ mới viết là « Cầm tay dài ngắn thở-than » không đúng, vì khi chia phôi, thì cái tình ly biệt có từng lúc, cho nên đặt « dài thở, ngắn than » để tả rõ tình cảnh ; nếu ghép chữ « dài ngắn » chữ « thở-than » đi với nhau thì nghe cũng thuận, nhưng không hay.

— Quốc-ngữ mới (1943), phường-bản, *Vương Kim diễn tự* và *Kim Vân Kiều chú* đều viết « Dễ lòa yếm thắm trôn kim. » Kinh bản viết « Dễ mà yêm thắm trôn kim ». Cụ Kiều-oánh-Mậu có chua mấy chữ rằng : « Câu ấy nghĩa là sai người lòa xấu kim thì không để được ; nếu theo nghĩa ấy, thì chữ lòa vào đây không trôi. »

— Câu « lâm chi bưng mắt bắt chim khó lòng » cụ Kiều-oánh-Mậu có chua chữ « bưng mắt bắt chim » do câu « yểm mục bộ tước » là tục ngữ tàu.

— Các bản đều viết câu 1510 là « Đèn nhà trước lệu hồi sống cho mình » ; duy bản quốc-ngữ mới (tr. 372) in nhầm là « nói sống cho mình. »

Phường-bản viết : « chén đưa nhớ bữa hôm nay Chén mừng xin đợi đêm này năm sau ». Hai bản quốc-ngữ viết « ngày này năm sau ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* viết là « bữa này năm sau ». Câu này theo chữ « bữa », mới phải vì câu trên đã có chữ « chén » chữ « bữa », thì câu dưới cũng phải có chữ « chén » chữ « bữa » mới đúng. Nếu đã có chữ « chén » mà lại đặt chữ « ngày » chữ « đêm » thì không hay.

— Quốc-ngữ và ba bản chữ nôm đều viết : « Duyên Đằng thì lại nẻo giới đưa ». Duy kinh bản viết : « Duyên đằng sớm thuận gió đưa ».

— Các bản đều viết : « Mặc người đã lắn tin nhà thì thôi » Duy kinh-bản viết : « tin nhà ổn không ».

— Quốc-ngữ viết : « Kiến trong miệng chén có bò đi đâu ? » Các bản nôm đều viết : « Kiến trong miệng chén lạ bò đi đâu ? » Chữ « lạ » hay hơn.

— Quốc-ngữ, *Vương Kim diễn tự* và *Kim Vân Kiều chú* đều viết « Cho người thăm vấn bản thuyền biết tay ». Cứ kể ra « thăm vấn bản thuyền » vào câu này thì không có nghĩa, vì đã biết « thăm vấn » rồi mới « bản thuyền », sao lại còn chê. Vì thế phường-bản mới chữa là « buôn vấn bản thuyền ». Có bản chép là « sắn vấn bản thuyền ». Duy kinh bản viết là « tham vấn bản thuyền » mà chưa nghĩa là « tham mới nói rõ », có lẽ phải hơn. Lại có bản viết là « sâm vấn bản thuyền » đều không bằng chữ « tham ». *(Còn nữa)*

Ông hóe [illegible]

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân tổng An-Tư công-chúa vu Thoát-Hoan, dục thư quốc nan dã. »

(Đại Việt sử-ký (toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN HUY-TƯỞNG

Số 4

An-Tư hơi khó chịu, vì họ đến tú ngắn thì-giờ đã ngắn mà nàng được hưởng bên cạnh vị-hôn-phu. Giây phút quá thiêng liêng mà họ phạm một cách phũ phàng. Tuy vậy, nàng cũng phải giữ một thái độ bình tĩnh, đối đáp mọi người và truyền cho mọi người một tin tưởng mãnh liệt về tương lai. Trống canh tư đã đêm, nàng sốt ruột và oán giận chị em, khi họ trở ra về thì đâu đâu đã có tiếng gà gáy sáng.

Khi nàng tiễn họ về, trở vào buồng trong, không thấy chàng, lấy làm lạ. Chợt nghe tiếng ngáy trong giường, nàng rón rén lại vén màn. Trong ánh đèn mập mờ, chàng đang ngủ say, chăn gấm kéo lên đến cổ. Giấc ngủ càng làm bật nổi khuôn mặt dũng kiện của người thanh niên. Nàng đứng nhìn không chớp mắt. Lâu lâu nàng rón rén bước sang buồng bên, quạt lò đun nước để chốc nữa pha trà thết chàng.

Thấy cái dẫy của chàng dưới chân kỷ, nàng tò mò mở ra xem. Trong đó xếp lẫn lộn những đồ lặt vặt, quần áo, khăn tay, gương lược, nghiên bút, một quyển sổ, một chiếc ấm độc ẩm, và 2 chiếc da lươn, mấy con dao, một cuốn Binh thư *yếu lược* của Quốc-công. Nàng ngắm nghía từng chiếc một, mỗi vật đều có một linh hồn và đối với nàng đều có chút tình quyến luyến. Nàng nghĩ:

— Rồi những đồ vật này sẽ theo chàng ra trận. Duy ta không.

Nàng thầm ước ao được đi theo chàng để lo việc cơm nước và cùng chàng chung những nỗi gian lao lắm khổ. Dần dần nàng giở ra cả một bộ đồ ăn: Một đôi đũa ngà, một bát và hai đĩa gỗ, áng chừng mẹ chàng mới sắm cho, vì còn mới, và đều có khắc mấy chữ « Đãng binh cường khấu ». Chắc phu-nhân sợ con quên làm bổn-phận, nên khắc chữ vào những đồ nhật dụng này để nhắc nhở con, vì ngày nào chàng chẳng phải ăn hai bữa?

An-Tư lẩm bẩm. « Mẫu thân hơn mẹ Nhạc Phi nhiều ». Nàng lấy hộp khăn của nàng có sẵn kim chỉ và mụn vá, để chúng vào dẫy, hòng khi chàng muốn vá hay muốn đính chiếc khuy. Nàng chắc trên sa trường mưa hoành xung-đột, áo quần của chàng sẽ rất dễ hư hỏng. Nàng lại cẩn thận để vào dẫy một thanh quế tốt, và mươi liều thuốc cảm, phòng khi chàng trái gió trở giời...

Chợt nàng lẩm bẩm:

— Chết chửa ta quên rồi. Không biết có kịp không.

Nàng nhớ đến bức thêu còn dở, nàng vùng dứng dậy, tóc xõa trôi theo lưng nàng xuống đất như làn sóng đen bóng, nàng giật mình quay lại thì trong khung cửa thông hai buồng với nhau, chàng một tay nắm đốc kiếm, một tay vịn cửa, chân bắt chéo đứng nhìn nàng bằng đôi mắt lửa âm thầm không chớp. Nàng nhoẻn miệng hoa, má trái lúm đồng tiền xinh dáng, má đỏ ửng vì thẹn thò.

Chàng bước lại ở trong buồng thêu thân mật nhất của An-Tư, chàng cảm thấy một mương vị mê ly, sảng khoái trong góc thế giới vô cùng huyền ảo ấy. Đây là nơi mà nàng đã để hết tinh thần bảy biện, vừa ấm cúng, vừa trang nhã, vừa mơ màng, toàn thể đượm một thi vị kín đáo xinh xinh. Dần dần, chàng bước lại gần nơi thiêng liêng nhất, im lìm và chào đón như một xóm đào nguyên: Chiếc giường phảng phất một mùi hương nhè nhẹ, mê người với đệm hoa, chăn gấm, gối thêu, trong đêm giá lạnh này, chiếc giường như cũng ý, chăn đệm còn ghi dấu thân hình ngà ngọc, và đâu đây như luồng hơi nóng của giai nhân. Rồi chàng để ý đến câu chuyện bên ngoài, chàng nằm xuống giường. Vì mấy hôm đường trường vất vả. Chàng ngủ đi lúc nào không biết. Khi choàng dậy, bước ra phòng thấy nàng đang ngồi xếp gọn lại đồ đạc cho mình, ân cần như người vợ chính thức, chàng ngây người đứng ngắm.

Chàng bước lại, tươi cười hỏi:

— Đa tạ công chúa. Lòng ân

cầu này, xin hẹn đến kiếp sau báo đáp.

Sợ nàng vấn lại tóc, chàng tiếp:

— Thế gian đồn tóc công chúa đẹp, dài và đài các không có thứ mây khói nào sánh kịp. Hôm nay vĩnh biệt, tôi không ngờ lại được ngắm làn tóc tiên. Công chúa ăn mặc sơ sài, không son phấn, trang sức, lại càng đẹp lắm.

Nàng quấn vội tóc và nói:

— Tôi thấy Vương xếp luộm thuộm quên xếp lại cho đây. Lúc nãy tôi muốn nói tặng vương một vật mọn, đây..

— Công chúa có lòng cho thực là quý hóa, biết lấy gì báo đáp?

Nàng lấy ra bức thêu, chàng cầm xem, thán phục:

— Đường thêu của công chúa, nồng đậm có phép, tiếng đồn không ngoa. Tôi thực có diễm phúc mà được bức thêu này, rơa anh em chúng bạn nhiều lắm

— Hiềm vì thêu còn dở!

— Càng đẹp, hai chữ «sát Thát» này tôi xin ghi dạ. Tôi đi pi en này, trong mình mang ba vật báu: Bảo kiếm của phụ-vương, bức thêu của Mẫu-thân, bức thêu của công-chúa, mà không làm nên công trạng gì, thì nhục bao nhiêu. Xin đa tạ công-chúa. Chỉ nghĩ ân tình thâm trọng, không biết báo đáp cách nào. Nguyện xin vì non sông xuất lực, muôn lao nghìn chết cũng không từ.

— Xin vương để cho tôi thêu nốt đã,

— Công chúa cho thế này là đủ lắm rồi. Thì-giờ đã ít, biệt nhau trong gang tấc, xin để thì-giờ nói chuyện.

Nàng tan ra trong nước mắt, cố trấn tĩnh cũng không cầm lại được. Vương thuyên giải bồi lâu, nàng nghẹn-ngào nói:

— Nay vương ra trận, tôi thân liễu bồ, không được theo gót ngựa sớm trưa hầu hạ, thực là hèn.

— Công chúa đừng nên nghĩ thế.

— Vậy trước khi vương đi xông pi a chiến trận, xin có lời này. Thân gái chữ tòng, một nhời đã ước, xin thủy chung đợi vương cho đến ngày tái hồi. Mà dù ngọn gươm đao bất trắc, vương có vì non sông mệnh hệ nào, tôi xin thề thủ tiết cho đến già để đáp tình nghĩa.

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY-TƯỞNG

Ai cũng ham đọc

LUẬN-LÝ

DU-THUYẾT

YẾU-THUẬT

Giá 3$80

TÂN HIẾU KINH *Giá 1$20*

(có nguyên văn chữ Hán)

TRONG TỦ SÁCH HỌC THUẬT

QUỐC-HỌC

Thư đề cho: M. LÊ VĂN HOÈ
16 bis Rue Tientsin Hanoi

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất bản

NOUVELLE TRADUCTION DU

KIM VÂN KIỀU

của M. R.

Một bản dịch Pháp-văn lột hết tinh thần cuốn «ĐOẠN TRƯỜNG TÂN-THANH», một cuốn sách quí cho bạn yêu thơ yêu văn.
bản in mỹ thuật có hạn, 150 trang khổ 17x23
bản thường 0$00 cước 0$50
bản giấy Đại-la 10$00, cước 1$00

TRÊN CUNG TRĂNG

Trúc-Đình dịch thuật

cuốn «Voyage autour de la Lune» của Jules Verne 220 trang khổ 17x23, bìa 3 màu và 26 bức phụ-bản của Mạnh Quỳnh vẽ.
bản thường 4$00 cước 0$60
bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00

Tổng phát hành

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes Hanoi

25 Juillet có bán

VĂN MINH SỬ

Trong bộ « Nhân Loại tiến hóa sử »
của
NGUYỄN BẠCH KHOA

— Nhìn suốt con đường tiến hóa của văn minh loài người từ đời thái cổ đến hiện tại
— Dò tìm cơ-cấu hành tinh của các yếu tố văn minh như kinh tế, chính trị, tư tưởng, nghệ thuật.
— Khám phá mối quan hệ giữa văn minh đông phương và văn minh tây phương.

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »
HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH
71 Tien tsin Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC SỬ LƯỢC

của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :
Loại thường bán 6$00 cước 0$47
Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80
Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :
Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

có bán :

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis đại văn hào nước Ý soạn
Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm-tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, xin trừ 20 % cước phí không phải chịu.
Vị nào muốn biết nói đúng sách, xin cho biết địa chỉ.

Thư từ tiền nong xin đề :
ô. Nguyễn văn Minh
Hiệu Quảng vạn Thành — Hanoi, 16 phố Lê Lợi
Haiphong, 51 — Doumer — Haidương Kinh môn phố Yên lưu

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur gérant : Nguyễn-Tường Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi